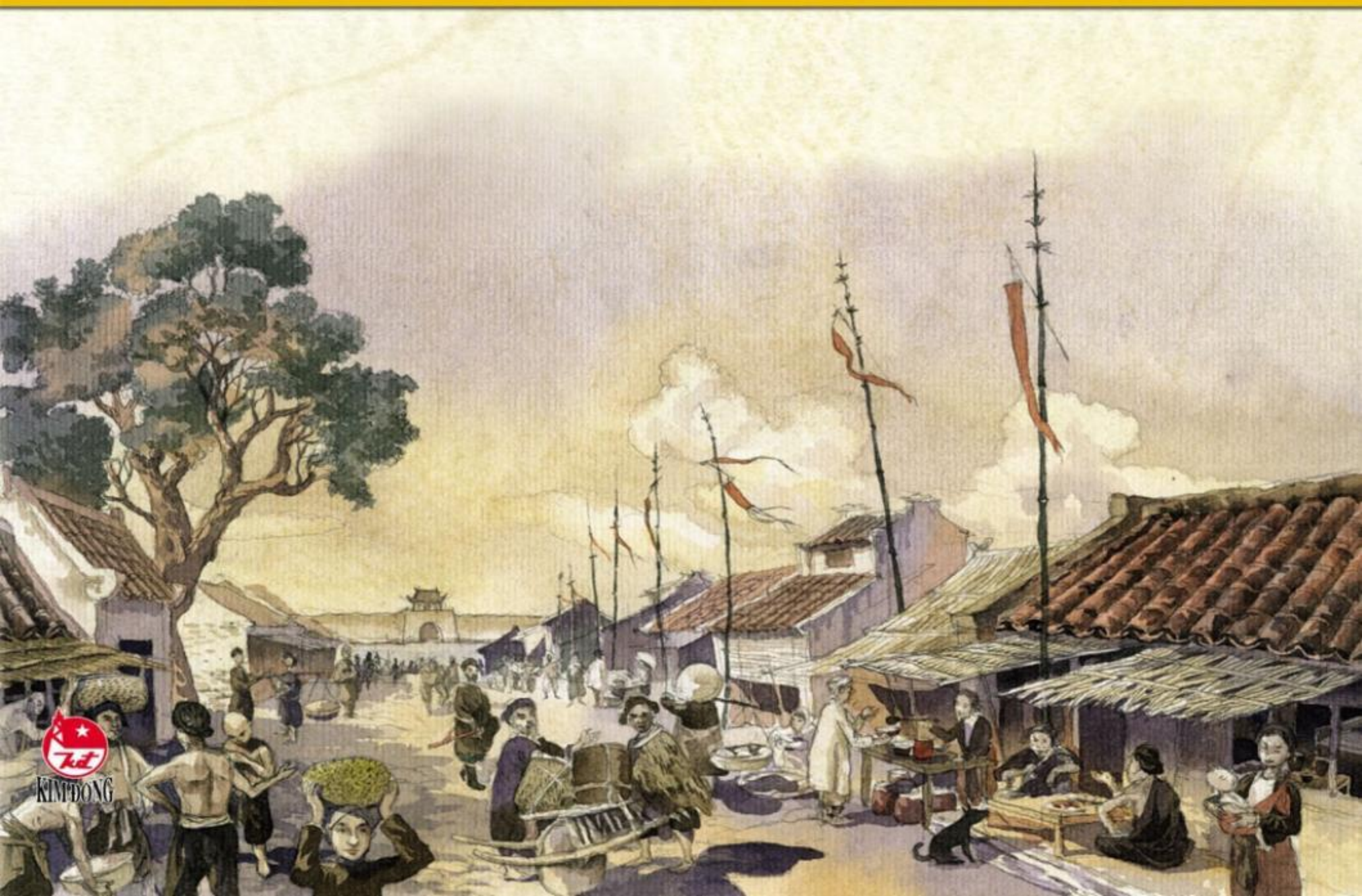




KỂ CHUYỆN THĂNG LONG - HÀ NỘI

CẢNH SẮC HÀ NỘI



Lời mở đầu

Các bạn thân mến!

Thăng Long – Hà Nội trải qua nghìn năm lịch sử mang trong mình những cảnh sắc riêng mà những người con của mảnh đất này mỗi lần đi xa luôn nhung nhớ, mỗi du khách đến tham quan dù chỉ một lần cũng không thể nào quên. Thăng Long - Hà Nội ghi dấu ấn trong lòng người bởi những cảnh sắc rất đặc trưng, từ những ngọn núi, con sông, đến những góc phố, con đường, hay những mái chùa, quán chợ... Chính những cảnh sắc ấy đã làm nên và chứng kiến sự hình thành và đổi thay của chốn kinh kì trong suốt chiều dài lịch sử ngàn năm. Dù ngày nay Hà Nội đã mang nhiều nét hiện đại của một thủ đô đang phát triển, bóng dáng cổ xưa của đất Thăng Long vẫn hiển hiện ở khắp nơi, in đậm trong truyền thuyết dân gian, trong chính sử, và trở thành những di tích lịch sử - văn hóa của thủ đô.

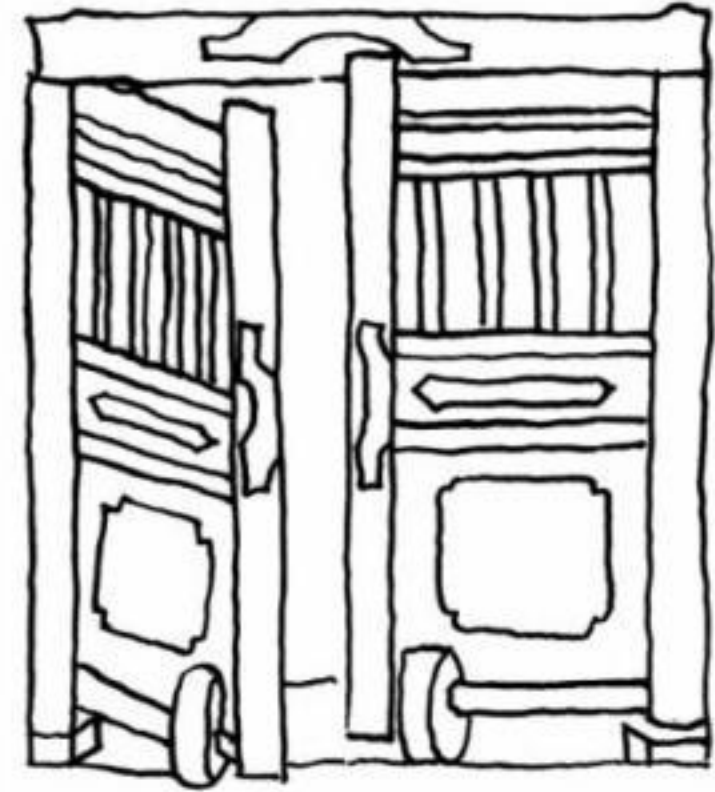
Kể chuyện Thăng Long - Hà Nội

Hội đồng biên tập
Nguyễn Vinh Phúc (chủ biên)
Nguyễn Huy Thắng
Nguyễn Quang Lập
Nguyễn Diệu Hương
Phan Phương Hảo
Ngô Thị Quý



Vẽ minh họa:
Tạ Huy Long
Nguyễn Thành Phong
Bùi Việt Thanh

Bản quyền Tác phẩm thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2010



(In lần thứ 3)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung - Hà Nội. ĐT: 04 39434 730 - 04 39428 632 - Fax: 04 38229 085

Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm - TP Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3812 333 - 3812 335 - Fax: (0511) 3812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 08 39303 447 - Fax: 08 39305 867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản - Giám đốc: PHẠM QUANG VINH
Chịu trách nhiệm bản thảo - Phó Giám đốc: NGUYỄN HUY THẮNG
Biên tập: NGUYỄN GIANG LINH
Trình bày: VŨ XUÂN HOÀN
Sửa bài: NGUYỄN THỊ NHUNG

In 1.500 bản - Khổ 16 cm x 24 cm - Tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh

Đăng ký kế hoạch xuất bản số: 03-2014/CXB/584 - 208/KĐ cấp ngày 3/12/2013

Quyết định xuất bản số: 293/QĐKĐ kí ngày 18/8/2014

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2014.



Cảnh sắc Hà Nội

1. Vì sao có người nói, Thăng Long - Hà Nội là thành phố sông hồ?

Từ xưa, dân gian đã nói về kinh thành:

“Nhị Hà quanh bắc sang đông

Kim Ngưu, Tô Lịch là sông bên này”.

Kinh thành được bao bọc bởi ba con sông lớn: Sông Hồng, sông Kim Ngưu và sông Tô Lịch.

Sông Hồng (thời xưa có tên là Nhĩ Hà, Nhị Hà, sông Lô, sông Cái) chảy qua phía bắc và phía đông kinh thành. Sông Tô Lịch, còn được gọi tắt là sông Tô, là một nhánh của sông Hồng nằm ở phía tây và phía bắc, còn Kim Ngưu là một nhánh của sông Tô Lịch ở về phía nam.

Phía trong kinh thành, hồ trải rộng khắp nơi: hồ Hoàn Kiếm (hay còn gọi là Hồ Gươm), Hồ Tây, hồ Trúc Bạch, hồ Cổ Ngựa, hồ Thiền Quang, hồ Bảy Mẫu, hồ Văn (ở khu Văn Miếu- Quốc Tử Giám)...

Sông và hồ tạo nên vẻ đẹp thiên nhiên rất riêng cho Thăng Long - Hà Nội. Hiện nay nhiều sông hồ xưa kia đã bị lấp hoặc thu hẹp lại.



2. Sông Tô Lịch có vai trò gì đối với kinh thành Thăng Long?

Xưa kia, sông Tô Lịch chảy bám sát phía ngoài chân thành Đại

La. Vì vậy, cùng với sông Hồng và sông Kim Ngưu, sông Tô trở thành hệ thống hào nước tự nhiên của kinh thành.

Sông Tô Lịch chảy vào giữa kinh thành, nên là nhánh chính trong hệ thống giao thông đường thủy của Thăng Long. Lúc nào sông cũng tấp nập cảnh trên bến, dưới thuyền. Cảnh đẹp của dòng sông đã đi vào ca dao xưa:

“Sông Tô nước chảy trong ngân

Con thuyền buồm trắng chạy gần, chạy xa”

- **Tên gọi sông Tô Lịch có nguồn gốc dân gian như thế nào?**

Chuyện kể rằng, thời thuộc Đường (thế kỉ IX), Cao Biền sang cai trị nước ta, đã cho đắp thành Đại La gần một con sông lớn. Một hôm, Cao Biền chèo thuyền dạo chơi trên sông, chợt thấy một ông lão tóc bạc, hình dáng kì lạ hiện lên. Cao Biền lấy làm lạ, hỏi tên và quê quán, ông lão trả lời là họ Tô tên Lịch, nhà ở ngay trong dòng sông này. Nói xong, ông lão đập tay xuống sông, nước tung cao ngất trời, rồi biến mất. Cao Biền sợ hãi, biết đó là vị thần sông, nên lấy tên thần đặt cho sông là Tô Lịch.



Cao Biền gặp thần sông Tô Lịch

3. Hồ Hoàn Kiếm thay đổi ra sao qua các thời kì?

Hồ Hoàn Kiếm vốn là một đoạn của sông Hồng.

Dưới thời Lý (1010 - 1225) hồ được gọi là Lục Thủy (nước xanh) vì sắc nước bốn mùa đều xanh. Đến đời vua Lê Thái Tổ (1428 - 1433) hồ được đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Gươm.

Xưa kia, hồ rất rộng, có hai phần đối nhau. Phần hồ phía trên gọi là Tả Vọng, phần hồ phía dưới gọi là Hữu Vọng.

Tại khoảng đất giáp hai bên hồ, chúa Trịnh cho dựng một đài cao, gọi là Duyệt võ đài để ngồi quan sát, hai bên hồ là trận địa cho thủy quân triều đình luyện tập. Vì thế, hồ được gọi là hồ Thủy Quân.

Khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã cho lấp hết phần hồ Hữu Vọng, còn phần hồ Tả Vọng cũng bị lấp dần. Hồ Hoàn Kiếm ngày nay chỉ là một phần nhỏ của hồ Tả Vọng xưa.

- **Vì sao gọi là hồ Hoàn Kiếm?**

Tên gọi hồ Hoàn Kiếm (hồ Gươm) gắn với truyền thuyết vua Lê Thái Tổ trả gươm thần.



Lê Lợi trả gươm cho Rùa Vàng

Đầu thế kỉ XV, quân Minh sang xâm lược nước ta, chúng tàn phá và cướp bóc của cải, gây ra nhiều tội ác. Lê Lợi tập hợp nghĩa quân, dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa) chống giặc. Bấy giờ có người đánh cá tên là Lê Thận, trong một lần kéo lưới đã vớt được một lưỡi gươm, đem về nhà treo. Sau Thận gia nhập nghĩa quân Lam Sơn. Một hôm, Lê Lợi đến thăm nhà Thận, chợt ở góc tối có ánh sáng lóe lên, liền đến xem, thấy lưỡi gươm khắc hai chữ “Thuận Thiên” (thuận theo ý trời).

Lần khác, Lê Lợi đi qua khu rừng, thấy ánh sáng lạ của một chiếc chuôi gươm nạm ngọc trên cây chiều xuống. Nhớ đến lưỡi gươm ở nhà Thận, Lê Lợi cầm chuôi gươm về lắp vào lưỡi gươm thì vừa như in. Từ đó, thanh gươm quý luôn bên mình người chủ tướng. Sau 10 năm chiến đấu gian khổ, đất nước được giải phóng, Lê Lợi lên ngôi vua.

Một hôm, vua ngự thuyền chơi trên hồ Lục Thủy, chợt thấy rùa vàng nổi lên. Nhà vua cầm thanh gươm chỉ cho quần thần xem, rùa vàng liền đớp lấy thanh gươm lặn xuống đáy hồ. Nhà vua biết là thần đã cho mượn gươm giết giặc, nay giặc dẹp xong, thần đến lấy lại gươm. Từ đó, hồ được gọi là hồ Hoàn Kiếm nghĩa là “trả lại gươm”, nên cũng quen gọi là Hồ Gươm.

4. Hồ nào lớn nhất ở Hà Nội?

Đó là Hồ Tây. Với diện tích hơn 500 hécta, hồ giống như một tấm gương khổng lồ giữa thủ đô. Các con đường bao quanh hồ: Lạc Long Quân, Âu Cơ, Nghi Tàm - Yên Phụ, Thanh Niên, Thụy Khuê nối với nhau dài đến 17km.

- **Hồ Tây có những tên gọi nào khác?**

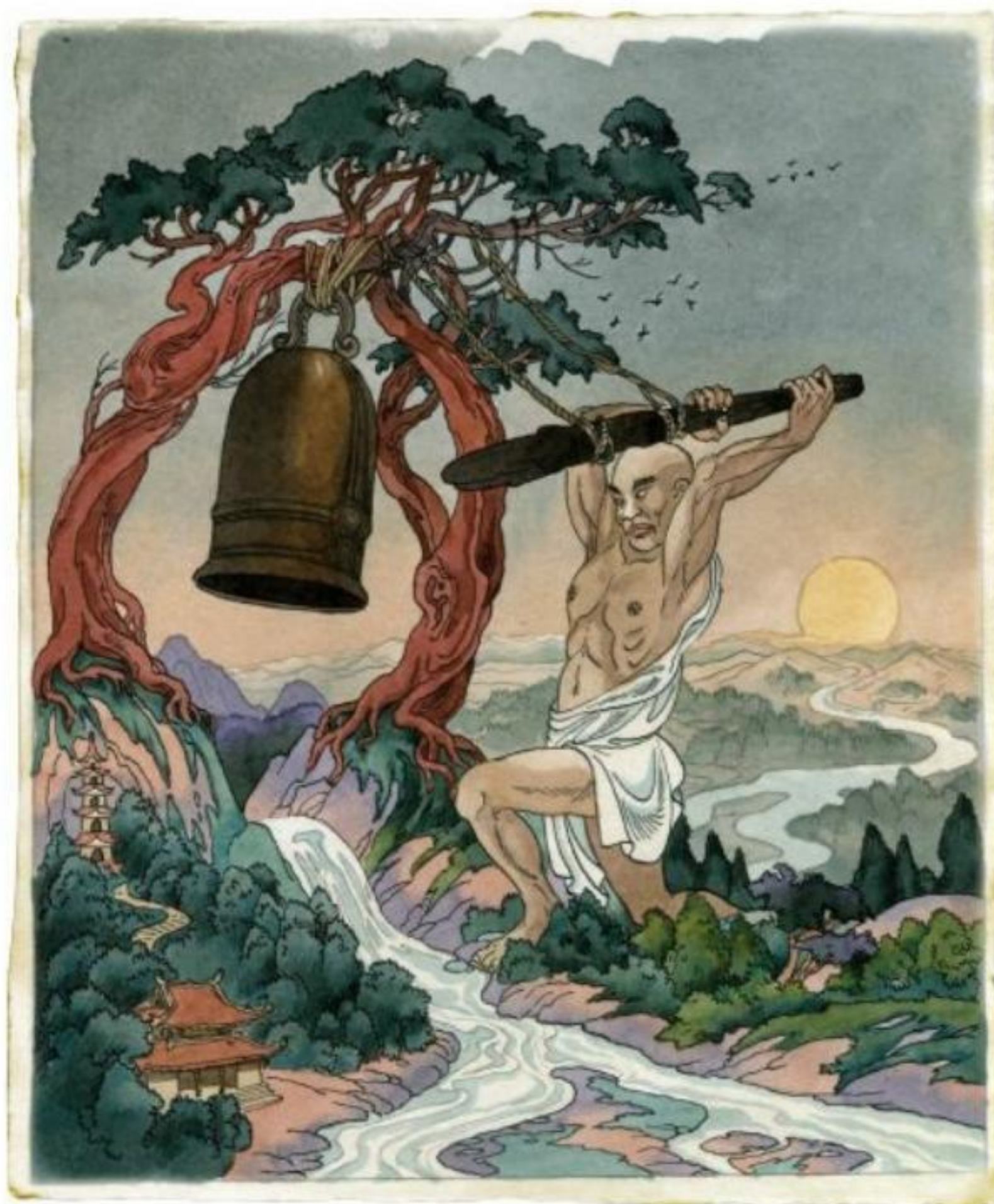
Theo sách xưa ghi chép, ở đời Lý (1010 – 1225), hồ được gọi là Dâm Đàm (Mù sương) vì quanh năm mặt hồ đều có sương bao phủ. Đến năm 1573, để tránh tên húy của vua Lê Thế Tông là Duy Đàm, hồ được đổi tên thành Tây Hồ - vì hồ nằm ở phía tây kinh thành Thăng Long. Dưới thời Trịnh Tạc (1657 – 1682), Tây Hồ được gọi là Đoái Hồ (Đoái là chỉ phương Tây), vì kiêng tước “Tây Vương” của chúa Trịnh. Nhưng hết đời Trịnh Tạc, người ta lại gọi tên hồ như cũ là Tây Hồ, hay Hồ Tây.

Theo cách gọi dân gian, hồ có tên là hồ Xác Cáo và hồ Kim Ngưu (Trâu Vàng). Cũng có người cho rằng, xưa kia hồ còn được gọi là hồ Lãng Bạc, nghĩa là sóng lớn.

- **Vì sao gọi Hồ Tây là hồ Xác Cáo và hồ Kim Ngưu?**

Theo một truyền thuyết dân gian, xưa kia, có con cáo trắng chín

đuôi, sống lâu năm ở trong núi, biến thành yêu quái, thường hiện lên làm hại dân lành. Một vị thần đã dâng nước, hô mưa gọi gió, phá tan quả núi, giết được cáo trắng. Từ đó núi thụt xuống thành hồ sâu và xác cáo vẫn nằm dưới đáy hồ, nên gọi là hồ Xác Cáo (hay đầm Xác Cáo).



Thiền sư Minh Không đánh chuông

Một truyền thuyết khác kể, thiền sư Minh Không hay còn gọi là ông Không Lộ thời Lý, có tài thu hết đồng đen ở Trung Quốc đem về kinh đô Thăng Long, đúc quả chuông nặng nghìn tấn. Chuông đúc xong, đánh thử, tiếng vang rất xa. Có con trâu vàng bên Trung Quốc nghe tiếng chuông kêu tưởng tiếng mẹ gọi, nên chạy sang nước ta. Trâu chạy đến đâu thành sông đến đấy, nên sông có tên là Kim Ngưu. Khi đến khu rừng gần Thăng Long, thì tiếng chuông im bật, trâu vàng lòng lộn đi tìm, dẫm nát cả khu rừng, đất lún xuống tạo

nên hồ. Nhà vua sai ném quả chuông xuống hồ cho trâu khỏi lòng lên, vì thế hồ có tên là Kim Ngư.

5. Hồ Trúc Bạch và Hồ Tây từng là một hồ, đúng không?

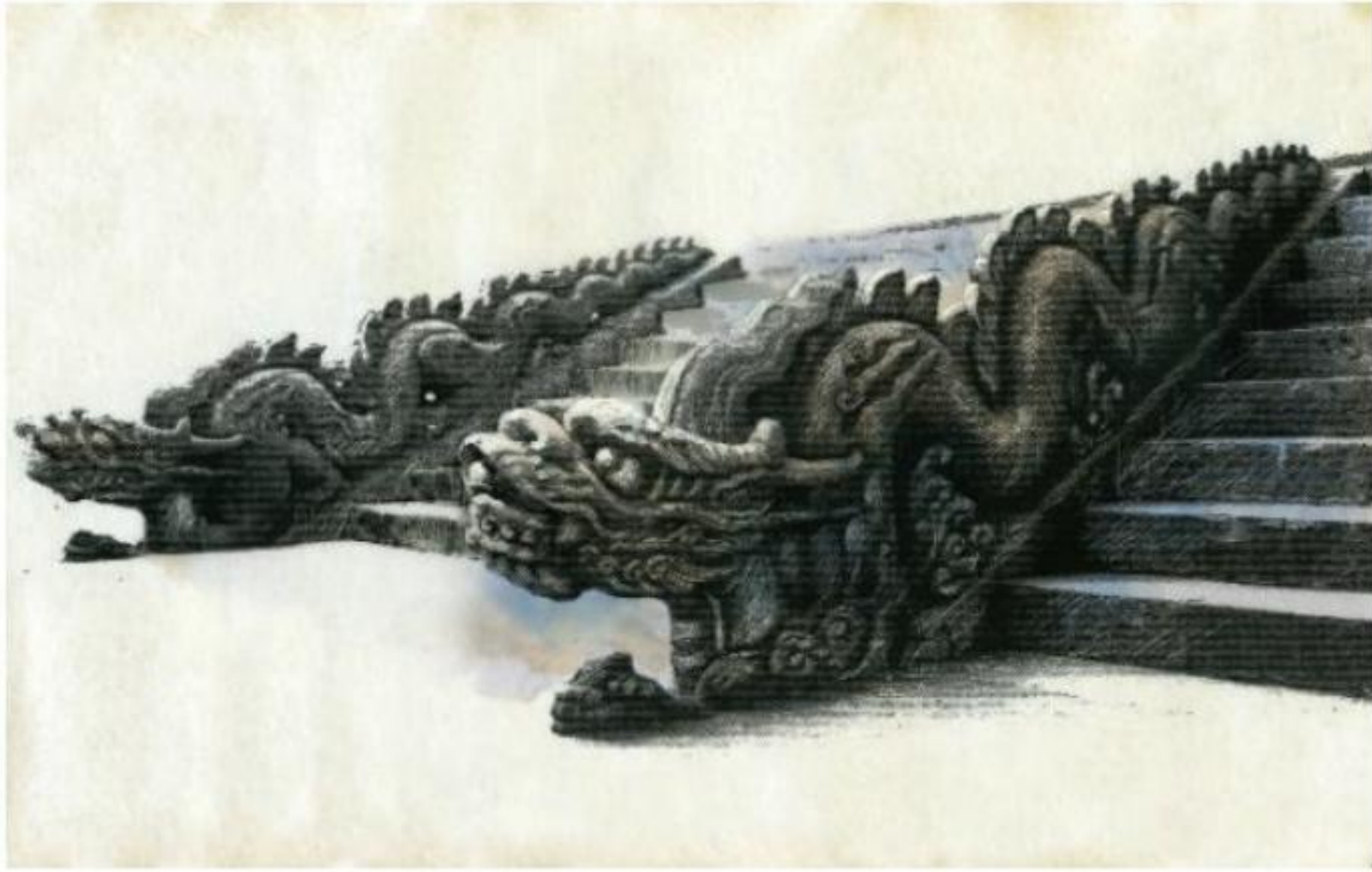
Đúng. Hồ Tây xưa rất rộng, nước sâu và thường nổi sóng lớn, chỉ có phần hồ về địa phận làng Trúc Yên thì nước nông, ít sóng, có nhiều cá tụ lại. Chuyện kể rằng vào năm 1620, nhân dân ba làng Yên Phụ, Yên Quang và Trúc Yên, cùng nhau đắp đập ngăn phần hồ ở địa phận làng Trúc Yên ra khỏi Hồ Tây để đánh bắt cá. Hồ ấy chính là hồ Trúc Bạch ngày nay. Đập ấy gọi là Cổ Ngư Yên tức đập Cổ Ngư (nghĩa là giữ vững), sau này thường đọc chệch là Cổ Ngư. Đập được đắp rộng thêm, trở thành đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên).

• Tên gọi hồ Trúc Bạch có từ bao giờ?

Xưa kia, nhân dân Trúc Yên làm nghề đan mảnh trúc, nên trong làng trồng rất nhiều trúc. Thấy cảnh đẹp, Chúa Trịnh Giang (1709-1751) đã lấy một khu đất của làng, để xây Trúc Lâm viện làm nơi nghỉ ngơi. Sau Trúc Lâm viện trở thành nơi ở của các cung nữ. Họ đều là những người khéo tay, dệt lụa rất đẹp, gọi là lụa làng Trúc, tức là Trúc Bạch. Từ đó phần hồ thuộc làng Trúc Yên cũng được gọi bằng tên Trúc Bạch.

6. Núi nào ở chính giữa kinh thành Thăng Long?

Thăng Long xưa có nhiều núi, trong đó núi Nùng nằm ở giữa kinh thành. Đây vốn là doi đất bồi nổi ven sông, nhưng theo quan niệm của người xưa, núi Nùng là trung tâm của trời đất nên được gọi là Long Đỗ - núi Rón Rông. Núi Nùng là vị trí của điện Càn Nguyên thời Lý, điện Thiên An thời Trần, điện Kính Thiên thời Lê – nơi thiết triều của triều đình.



Đôi rồng đá trước điện Kính Thiên

Núi Nùng ngày nay nằm trong khu vực thành cổ Hà Nội. Trên núi hiện vẫn còn đôi rồng đá hai bên cầu thang - dấu tích của điện Kính Thiên xưa.

7. Ngọn núi nào cao nhất Hà Nội?

Dãy núi Sóc Sơn, còn gọi là Núi Mã, núi Đền hay núi Vệ Linh nằm ở xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, có độ cao từ hơn 20m trở lên. Trong đó, ngọn núi cao nhất là núi Chân Chim, cao 426m. Đây cũng là ngọn núi cao nhất ở Hà Nội ngày nay.



Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt bay về trời

- **Núi Sóc gắn với truyền thuyết gì?**

Theo truyền thuyết, đời vua Hùng thứ 6, sau khi đánh tan giặc Ân, Thánh Gióng phi ngựa tới núi Sóc Sơn, rồi dừng lại. Thánh Gióng cởi áo sắt vắt lên cành cây, sau đó cùng với ngựa sắt bay về trời.

Ngày nay trên đỉnh núi Sóc có một mô đá giống hình cành cây, người ta cho rằng đó là nơi Thánh Gióng để áo lại, nên gọi mô đá ấy là “Cây cởi áo”.

8. Vườn Bách Thảo có những tên gọi nào khác?



Vườn Bách Thảo

Vườn Bách Thảo (hay công viên Bách Thảo) ngày nay, do người Pháp thành lập năm 1890, ban đầu có tên là vườn Thảo Mộc. Trong vườn trồng nhiều cây và đặt nhiều chuồng nuôi thú, nên vườn được gọi là Vườn Bách Thú hay Vườn Bách Thảo. Khi các chuồng thú ở đây chuyển về vườn thú Thủ Lệ (năm 1980), thì không ai gọi

tên vườn Bách Thú nữa. Vườn cũng từng mang tên là Trại Hàng Hoa vì xưa kia, dọc con đường vào vườn thường có nhiều cô gái đứng bán các loại hoa tươi.

- **Ngọn núi trong vườn Bách Thảo có tên là gì?**

Núi Sưa (còn gọi là Su Sơn), là ngọn núi đất nằm trong vườn Bách Thảo. Nhiều người cho rằng quanh núi có nhiều cây sưa - một loại cây lấy gỗ, hoa trắng - nên núi cũng mang tên loài cây ấy.

Núi chỉ cao khoảng 10m, không biết hình thành từ bao giờ. Bên sườn núi có ngôi đền nhỏ thờ Hắc Đế. Tương truyền, đây là cậu bé có nước da bánh mật, trèo cây trượt ngã trên núi Sưa, chết khi mới tám tuổi, nên dân làng lập miếu thờ ngay ở núi. Khi vua Lý Thánh Tông cầm quân đi đánh giặc phương Nam, đêm đến nằm mộng thấy một cậu bé da đen xin theo phò giúp. Thắng trận trở về, nhà vua cho sửa miếu thành đền thờ và phong cậu bé là Huyền Thiên Hắc Công hay còn gọi là Hắc Đế.

9. Gò Đống Đa được hình thành như thế nào?

Theo dân gian, sự hình thành gò Đống Đa gắn liền với chiến thắng đồn Khương Thượng - Đống Đa của nghĩa quân Tây Sơn trong trận đại phá 29 vạn quân Thanh xâm lược vào mùa xuân năm 1789.

Sau chiến thắng Khương Thượng - Đống Đa, xác giặc ngổn ngang khắp nơi, xếp lại thành 12 đống, đắp đất cao thành gò gọi là “kinh nghê kinh quán” (gò chôn xác giặc dữ như cá kinh, cá nghê ngoài biển) nằm rải từ làng Thịnh Quang đến Nam Đồng. Năm 1851, trong khi đào xới đất mở đường, mở chợ, người dân thấy ở nhiều nơi có hài cốt giặc, lại gom vào một chỗ đắp thành gò thứ 13 bên cạnh núi Ốc (Loa Sơn). Lâu ngày, núi Ốc liền hẳn với gò thứ 13, nên đây là gò cao và lớn nhất trong các gò. Đến năm 1890, 12 gò kia đã bị thực dân Pháp san bằng khi mở rộng phố phường, đường sá, chỉ còn lại gò thứ 13 - chính là gò Đống Đa ngày nay.



Gò Đống Đa

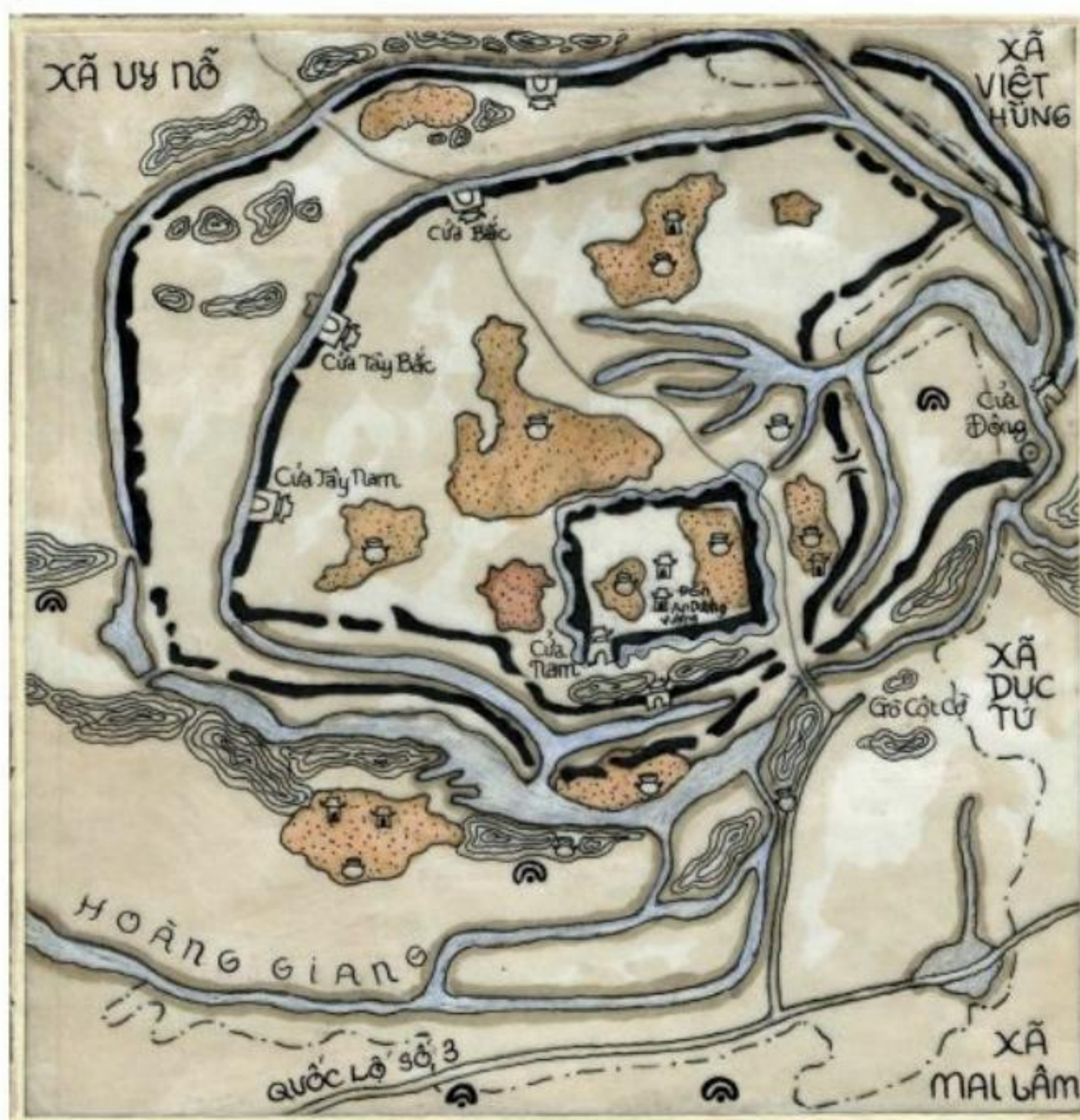
10. Tòa thành nào được xây dựng sớm nhất ở nước ta?

Thành Cổ Loa (nay thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh) là tòa thành cổ nhất nước ta, do vua Thục An Dương Vương xây dựng từ thế kỉ III trước Công Nguyên. Thành Cổ Loa được xây đắp, tu sửa qua nhiều thời kì. Sau khi đánh đuổi quân Nam Hán, đất nước giành lại độc lập năm 938, Ngô Quyền đã đóng đô tại Cổ Loa.

Ngày nay ở Cổ Loa còn lại dấu vết của ba lớp thành đất lồng vào nhau gồm: thành Ngoại, thành Trung và thành Nội. Đó là dấu tích của thành Cổ Loa thời An Dương Vương, Ngô Quyền và các thời kì sau này.

- **Thành Cổ Loa còn có tên gọi khác nào?**

Thành Cổ Loa được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: Loa Thành, thành Ốc, thành Côn Lôn, thành Tư Long, thành Việt Vương, thành Khả Lũ.



Bản đồ thành Cổ Loa

- **Đền thờ An Dương Vương được dựng năm nào?**

Đền thờ An Dương Vương, còn gọi là đền Thượng, được xây dựng năm 1678 trong khu vực thành Nội của thành Cổ Loa. Đền nằm trên một quả đồi, tương truyền xưa kia là cung điện của nhà vua. Trong đền có tượng An Dương Vương bằng đồng, nặng 255 kg, đúc năm 1807.



Đền thờ An Dương Vương

- **Giếng nước trước đền thờ An Dương Vương có tên là gì?**

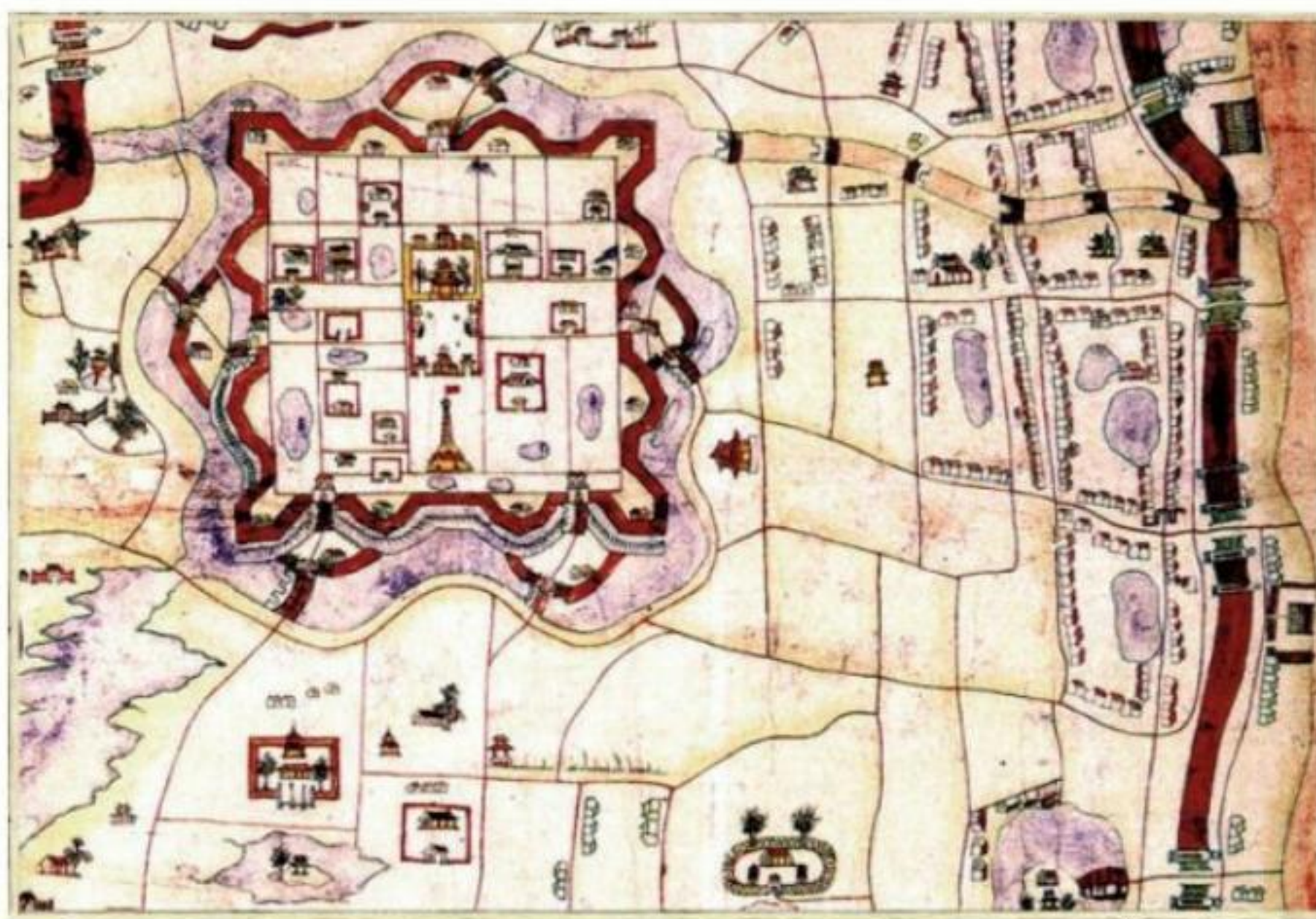
Trước cửa đền thờ An Dương Vương có hồ bán nguyệt, giữa hồ là một giếng đất. Tương truyền đó chính là giếng Ngọc (hay Ngọc tỉnh),

nơi Trọng Thủy đã gieo mình tự tử, nếu lấy nước giếng này đem rửa ngọc trai, ngọc sẽ sáng đẹp bội phần.

11. Thành cổ Hà Nội ngày nay là dấu tích của thành nào?

Trải qua nhiều biến động, dấu ấn của kinh thành Thăng Long xưa rất mờ nhạt. Những gì còn lại trong khu thành cổ Hà Nội hiện nay chủ yếu là dấu tích của thành Hà Nội thời Nguyễn.

Năm 1805, vua Nguyễn Gia Long cho xây tòa thành mới theo kiểu Vô-băng thay thành Thăng Long cũ. Thực dân Pháp đã phá tòa thành này trong những năm 1894 – 1897. Hiện nay, thành Hà Nội chỉ còn lại các công trình kiến trúc: cửa Đoan Môn, điện Kính Thiên, Hậu Lâu, cửa chính Bắc Môn và Cột Cờ.



Khu di tích thành cổ Hà Nội ngày nay, giới hạn bởi đường Hoàng Diệu ở phía tây, đường Nguyễn Tri Phương ở phía đông, đường Phan Đình Phùng ở phía bắc, đường Điện Biên Phủ ở phía nam.

12. Có phải Văn Miếu - Quốc Tử Giám là ngôi

trường lâu đời nhất của nước ta?

Đúng vậy, ngôi trường này đến nay đã hơn 900 năm tuổi. Năm 1070, vua Lý Thánh Tông (1023 - 1072) cho lập Văn Miếu thờ Khổng Tử (người sáng lập ra đạo Nho). Sáu năm sau, Quốc Tử Giám được xây dựng, ban đầu chỉ là nơi học tập dành riêng cho hoàng thái tử. Năm 1253, vua Trần Thánh Tông đã đổi Quốc Tử Giám thành Quốc Học Viện, mở rộng thành trường học cho con em vua quan và học trò giỏi trong cả nước. Từ đây, Quốc Tử Giám là nơi đào tạo nhân tài lớn nhất nước ta.

Đến đầu thế kỉ XIX, triều Nguyễn đóng đô tại Huế, trường Quốc học được chuyển vào Huế năm 1805. Văn Miếu - Quốc Tử Giám chỉ còn là nơi thờ tự các bậc thánh hiền của đạo Nho.

- **Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám được chia làm mấy khu vực?**

Văn Miếu - Quốc Tử Giám ngày nay được bao bọc bởi phố Nguyễn Thái Học ở phía bắc, Quốc Tử Giám ở phía nam, Văn Miếu ở phía đông, Tôn Đức Thắng ở phía tây. Bên trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám được chia thành 5 khu:

Khu thứ nhất: bắt đầu với cổng chính Văn Miếu Môn (cổng Văn Miếu) đi đến cửa Đại Trung Môn (cửa Đại Trung), hai bên có cửa nhỏ là Thành Đức môn (cửa Thánh Đức) và Đại Tài môn (cửa Đại Tài).

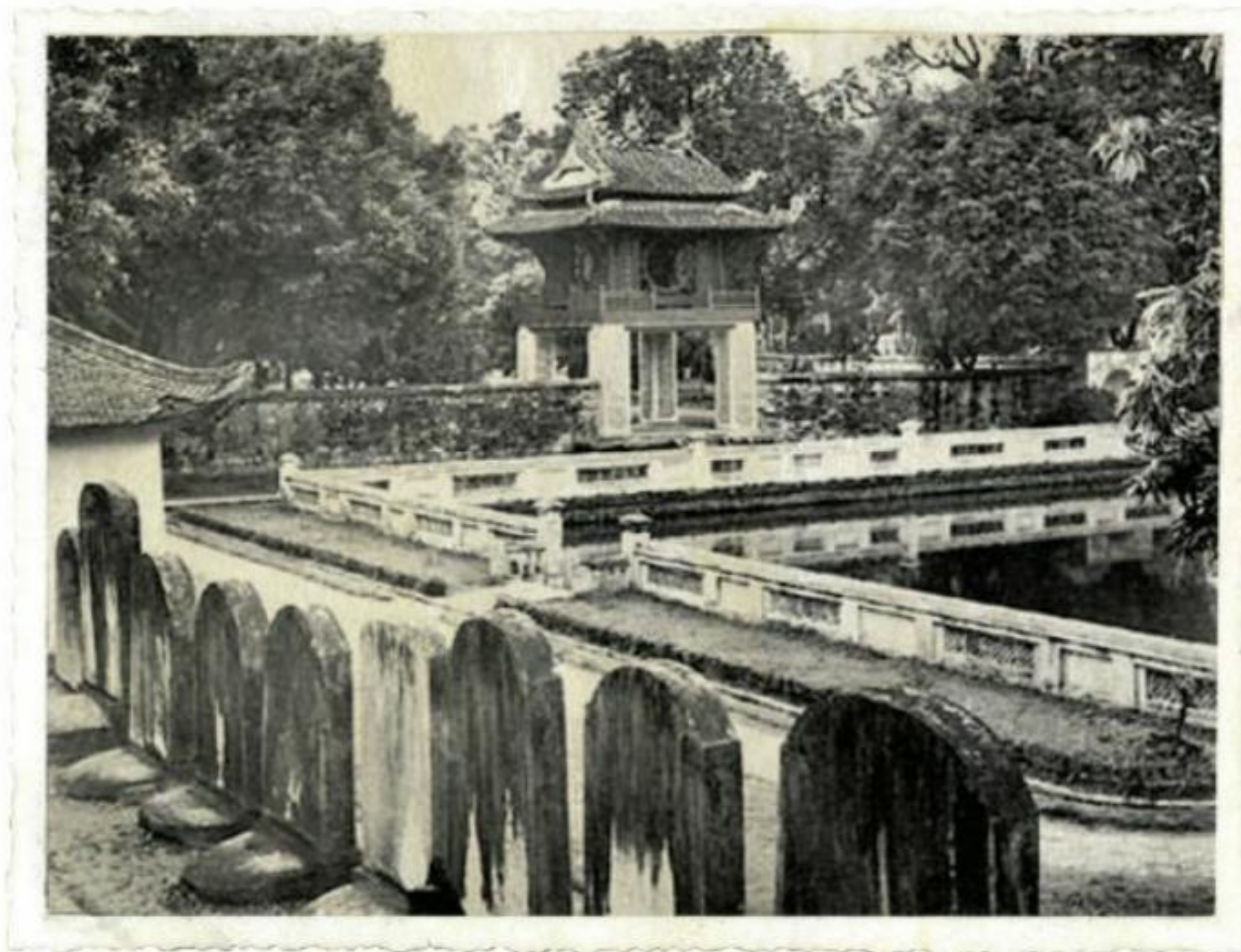
Khu thứ hai: từ Đại Trung Môn vào đến Khuê Văn Các (gác Khuê Văn).

Khu thứ ba: hồ nước Thiên Quang Tỉnh (nghĩa là giếng soi ánh mặt trời) hay còn gọi là Văn Trì (ao Văn). Hồ hình vuông, mặt nước trong xanh như một tấm gương phản chiếu, soi bóng gác Khuê Văn cùng những cây si, cây đa cổ thụ.

Khu thứ tư: khu trung tâm và cũng là kiến trúc chính của Văn Miếu, gồm hai công trình lớn bố cục song song và nối tiếp nhau. Bên ngoài là nhà Bái Đường, nơi hành lễ trong những kì tế tự, bên trong là Hậu Cung – nơi thờ các vị Tổ đạo Nho.

Khu thứ năm: khu đền Khải Thánh thờ cha mẹ Khổng Tử, xưa kia là nhà Thái học, nơi học tập của các học trò. Khi trường Quốc học chuyển vào Huế, nhà Thái học trở thành đền Khải Thánh.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám được tu sửa, thay đổi nhiều lần qua các triều đại. Phần lớn các công trình còn lại đến ngày nay mang dấu ấn phong cách kiến trúc thời Lê Mạt.



Văn Miếu - Quốc Tử Giám

- **Nơi nào trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám có biểu tượng ngôi sao?**

Đó là Khuê Văn Các, tức gác Khuê Văn - một gác nhỏ được dựng vào năm 1805. Sao Khuê là sao chủ về văn chương trong Nhị thập bát tú (28 vì tinh tú). Khuê Văn Các với hình ảnh sao Khuê tỏa sáng là biểu tượng cho truyền thống văn hiến của Thăng Long, và cũng là biểu tượng của thủ đô Hà Nội ngày nay.



Khuê Văn Các

13. Ngôi chùa nào được xây dựng sớm nhất ở Hà Nội?

Đó là chùa Trấn Quốc.

Chùa được xây từ năm 541 đến năm 547 vào đời Lý Nam Đế khi mới lập nước Vạn Xuân, nên có tên là chùa Khai Quốc (chùa mở nước), ở bên bờ sông Hồng. Đến đời Lê Thái Tông, chùa được đổi tên thành An Quốc (1440 – 1442). Năm 1615, bãi sông Hồng bị lở sát vào chùa, dân làng Yên Hoa (nay là làng Yên Phụ) đã di dời chùa vào đảo Kim Ngư (Cá Vàng) ở Hồ Tây, chính là vị trí ngôi chùa hiện nay. Tên gọi Trấn Quốc có từ đời Lê Hy Tông (1680 – 1705). Đến đời Nguyễn, vua Thiệu Trị (1841 – 1847) đến thăm chùa đã đổi tên là Trấn Bắc, nhưng nhân dân vẫn quen gọi là chùa Trấn Quốc.

14. “Thăng Long tứ trấn” là gì?

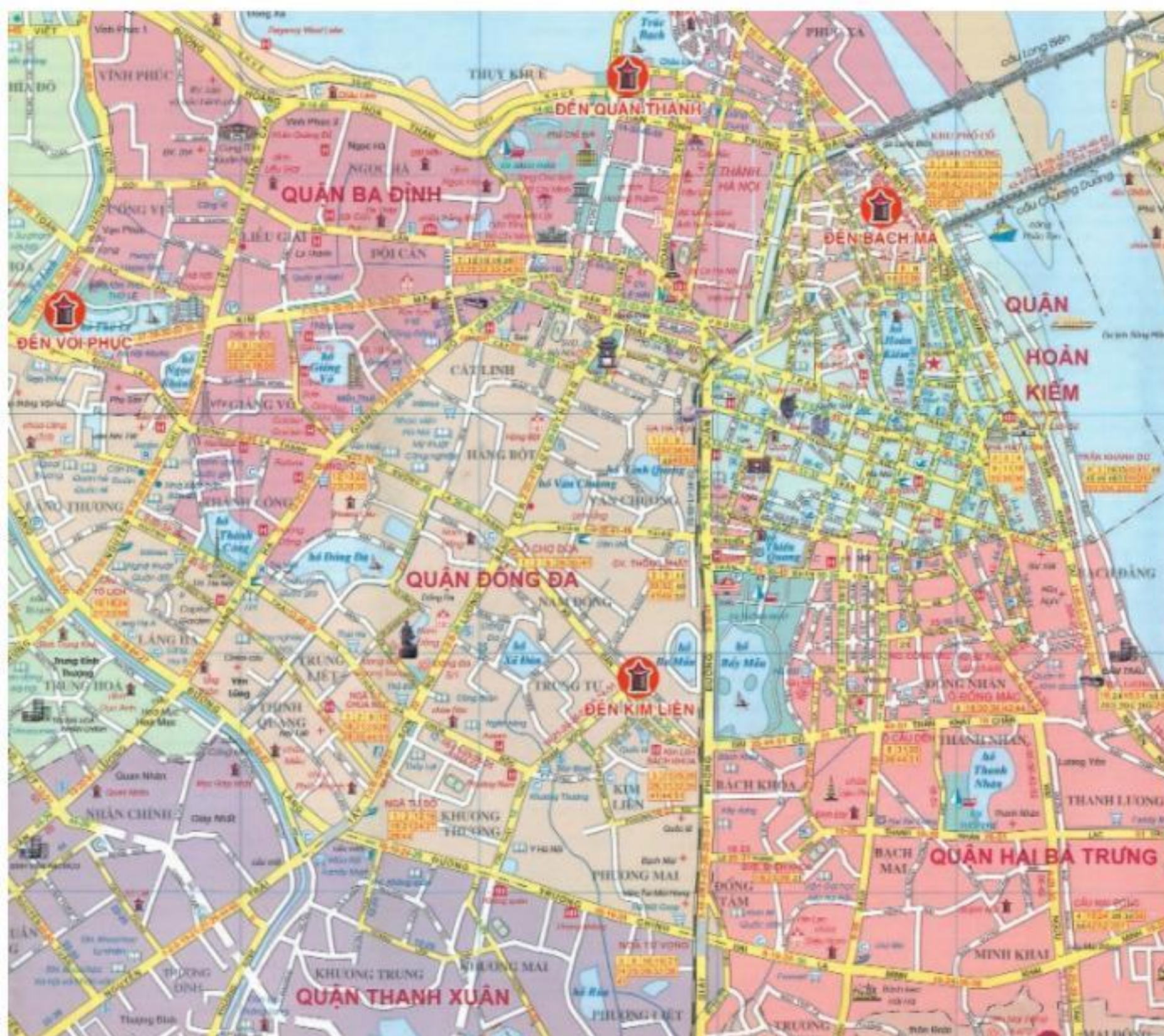
Đó là bốn ngôi đền thờ các vị thần trấn trị ở bốn phương của kinh thành Thăng Long:

Quán Trán Vũ: thường gọi là Đền Quán Thánh, thờ thần Huyền Thiên Trán Vũ, trấn trị phương bắc.

Đền Bạch Mã: xưa thuộc phường Hà Khẩu (nay ở phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm), thờ thần Bạch Mã, trấn trị phương đông.

Đền Cao Sơn: còn gọi là đền Kim Liên dựng sát thành Đại La, nay thuộc phường Kim Liên, quận Đống Đa, thờ thần Cao Sơn, trấn trị phương nam.

Đền Linh Lang: còn gọi là đền Voi Phục, đền Thủ Lệ, trong Công viên Thủ Lệ, thờ Linh Lang – một hoàng tử thời Lý, trấn trị phương tây.



Vị trí tứ trấn Thăng Long - Hà Nội

- **Vì sao thần Huyền Thiên Trấn Vũ trấn trị phía bắc kinh thành?**

Theo truyền thuyết, Huyền Thiên Trấn Vũ là vị thần cai quản vùng trời phương bắc, từng giúp vua Thục An Dương Vương trừ ma quái khi xây thành Cổ Loa, và giúp nhân dân diệt trừ cáo trắng trong rừng ven Hồ Tây. Vì vậy, ngay sau khi xây dựng thành Thăng Long, Lý Thái Tổ (1009 – 1028) cho lập quán Trấn Vũ thờ thần, để trấn trị các loài yêu quái ở phía bắc kinh thành.

- **Thần Bạch Mã còn được gọi là thần gì?**

Thần Bạch Mã còn gọi là thần Long Đỗ. Mỗi tên gọi gắn với một truyền thuyết khác nhau.

Dưới thời thuộc Đường (thế kỉ IX), Cao Biền là người có nhiều phép thuật, sang cai trị nước ta. Một lần, Cao Biền ra chơi ngoài cửa đông thành Đại La, chợt thấy một bóng người kì lạ, mặc áo hoa, cười ròngh đỏ, ẩn hiện trong mây mù. Đêm đến, Cao Biền được báo mộng người kì lạ đó là thần ở đất Long Đỗ. Cao Biền liền lấy vàng, đồng và bùa chôn ở chân thành cửa đông để trấn yểm, nhưng sáng ra xem, mọi thứ đều không còn. Cao Biền sợ hãi, bèn lập đền thờ ở ngay chỗ ấy và phong là thần Long Đỗ.

Khi Lý Thái Tổ (1009 – 1028) dời đô ra thành Đại La, đã cho đắp thành mới, nhưng thành đắp xong lại đổ. Nhà vua bèn sai người đến cầu ở đền thần Long Đỗ. Khi ấy có một con ngựa trắng từ trong đền đi ra, dạo quanh thành, đi tới đâu, vết chân in lại ở đó. Nhà vua liền cho đắp thành theo vết chân ngựa, thành không đổ nữa. Vì vậy, thần Long Đỗ còn được gọi là thần Bạch Mã (Ngựa Trắng).

- **Thần Cao Sơn là ai?**

Theo truyền thuyết, Cao Sơn cùng với Quý Minh là hai em của Sơn Tinh, tức thần núi Tản Viên. Cũng có khi Cao Sơn và Quý Minh được coi là hai người con của Mẹ Âu Cơ và Cha Lạc Long Quân. Cao Sơn và Sơn Tinh đã nhiều lần giúp nhân dân dẹp giặc và chống lũ lụt.

- **Vì sao đền Linh Lang còn có tên là đền Voi Phục?**

Trước cửa đền có tượng đôi voi quỳ vì vậy đền thường được gọi là đền Voi Phục. Đây là hình ảnh lấy từ tích con voi phục xuống cho hoàng tử Hoảng Chân trèo lên cười khi ra trận.

Tương truyền, Linh Lang là con trai thủy thần ở hồ Dâm Đàm (Hồ Tây) đầu thai làm con vua Lý Thái Tông, mà có người cho rằng đó là hoàng tử Hoảng Chân. Giặc Tống sang xâm lược, hoàng tử xin vua cha một lá cờ đỏ, cán dài và một con voi đi đánh giặc. Chàng cầm lá cờ đỏ chỉ voi, voi liền phục xuống, đưa hoàng tử ra trận. Sau khi đánh tan giặc, chàng hóa thành luồng nước xuống biển mất. Vua Lý sai lập đền thờ tại nơi chàng cười lên mình voi ra trận. Đó là làng Thủ Lệ (nay thuộc phường Cầu Giấy, quận Ba Đình).

15. Đền Đồng Cổ được xây dựng năm nào?

Năm 1028, ngay sau khi lên ngôi, Lý Thái Tông đã cho dựng đền Đồng Cổ - thờ thần Trống Đồng ở phía tây thành Đại La, nay thuộc phường Bưởi, quận Tây Hồ.

Sử cũ ghi lại rằng, năm 1020 Lý Thái Tông khi ấy còn là Thái tử Phật Mã theo lệnh vua cha đem quân đánh dẹp Chiêm Thành. Một đêm đóng quân tạm nghỉ ở Trường Châu (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), Thái tử mơ thấy một người cao lớn khác thường, tự xưng là thần núi Đồng Cổ xin theo giúp. Thắng trận trở về qua Trường Châu, Thái tử vào làm lễ tạ ơn, xin rước thần về kinh đô lập đền thờ. Sau này Thái tử lại được báo mộng là sẽ có loạn ba vương, và mọi việc diễn ra đúng như vậy. Khi lên ngôi, Thái Tông đã dựng đền thờ, phong thần Đồng Cổ làm “thiên hạ minh chủ” (người chủ trì việc thế trong nước).

- **Xưa kia ở đền Đồng Cổ có lễ hội gì?**

Đền Đồng Cổ không chỉ là nơi thờ cúng mà còn là nơi triều đình tổ chức hội thê vào ngày mừng bốn tháng Tư âm lịch hàng năm. Văn võ bá quan đến trước bài vị thần cùng uống máu ăn thê, rồi đọc: “*Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết*”. Đây là hội thê khẳng định lòng trung thành của triều thần đối với nhà

vua.

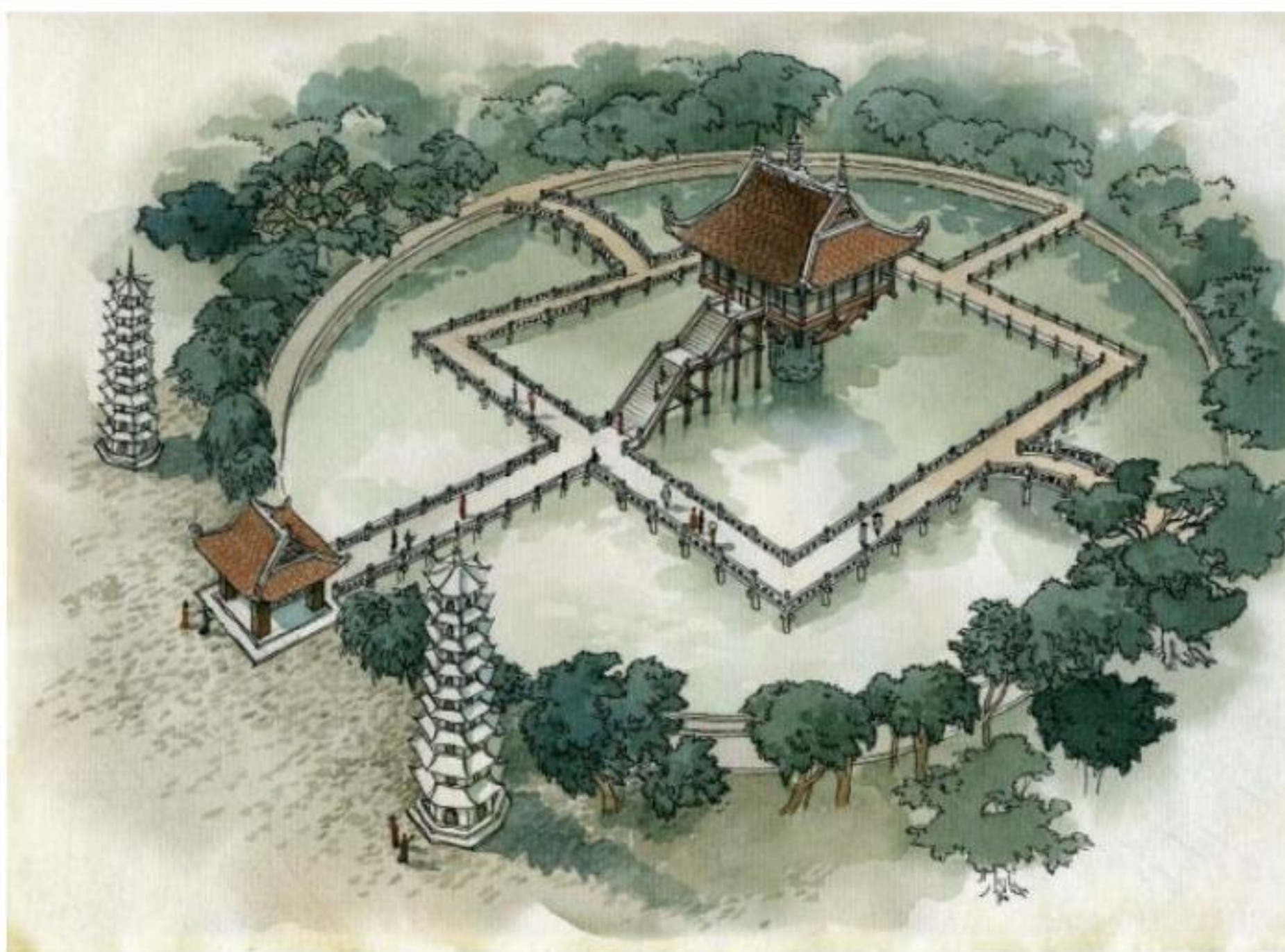


Đền Đồng Cổ

16. Tên gọi ban đầu của chùa Một Cột là gì?

Chùa Một Cột xưa kia gọi là chùa Diên Hựu, xây năm 1049, theo giấc chiêm bao của vua Lý Thái Tông.

Một lần, nhà vua mơ thấy Phật Bà Quan Âm ngồi trên tòa sen, đưa tay ra dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy, nhà vua kể lại với quần thần, có người cho là điềm không lành, nên khuyên vua xây chùa như đã thấy trong mộng. Chùa xây xong, nhà vua cho các sư lần tràng hạt, đi vòng quanh chùa, tụng kinh cầu vua sống lâu. Vì thế chùa có tên Diên Hựu, nghĩa là “phúc lành dài lâu”.



Chùa Một Cột

- **Vì sao chùa còn có tên là Một Cột?**

Chùa được dựng trên một cột đá, giữa hồ nước hình vuông, giống như đóa sen mọc trên mặt nước, vì vậy người ta quen gọi chùa là chùa Một Cột hay Nhất Trụ.

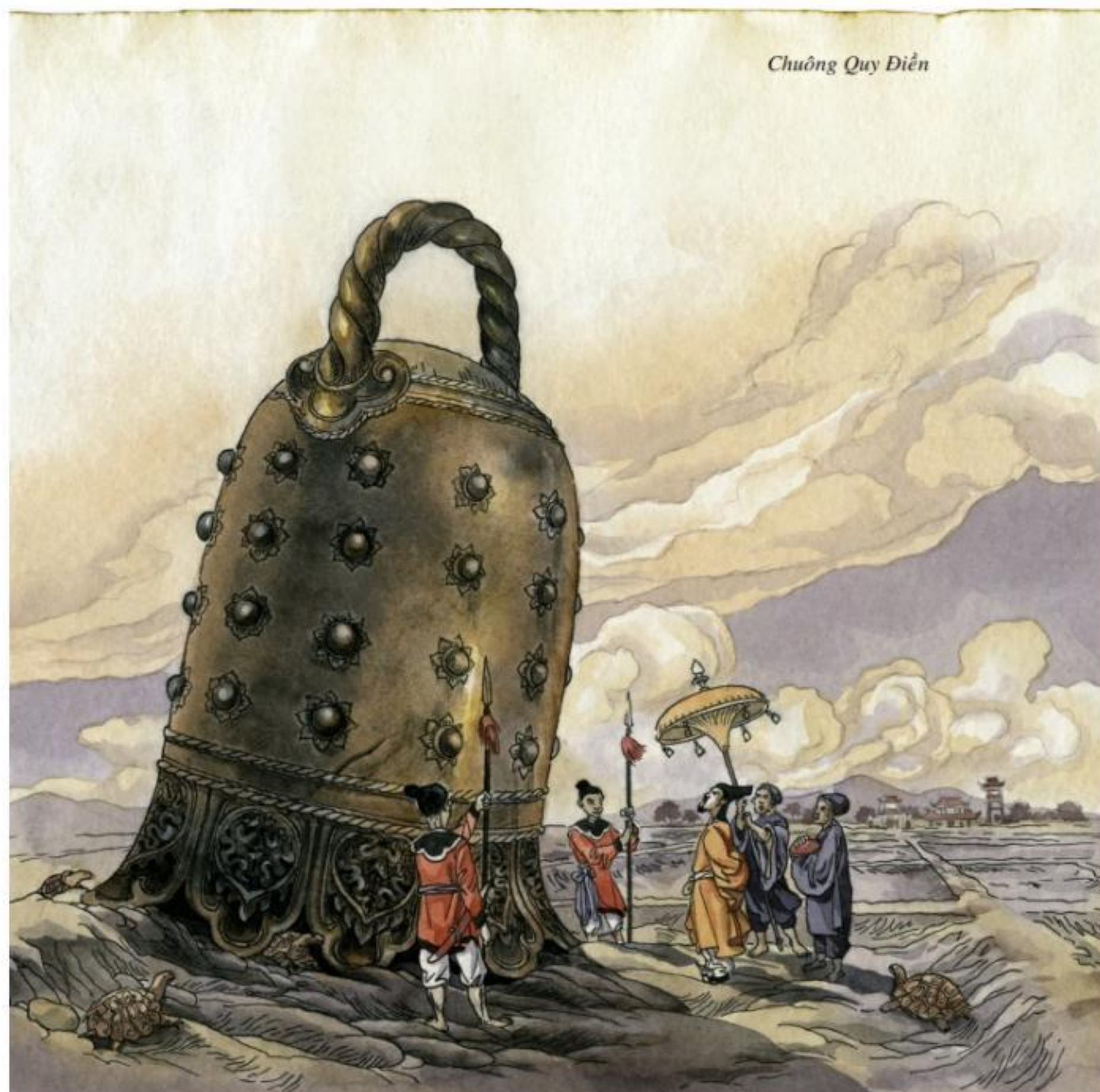
Theo ghi chép của sử sách, chùa Một Cột thời Lý có quy mô bề thế, to rộng hơn nhiều so với ngày nay. Trải qua gần nghìn năm lịch sử, chùa bị phá hủy và được xây lại nhiều lần. Chùa Một Cột hiện nay được dựng vào tháng 4/1955, theo như hình dáng trước đó.

- **Các công trình nghệ thuật nào của Thăng Long thời Lý được coi là một trong “An Nam tứ đại khí”?**

Đó là tháp Báo Thiên và chuông Quy Điền. Năm 1057, vua Lý Thánh Tông cho xây tháp “Đại Thắng Tư Thiên” trên một gò cao ở chùa Sùng Khánh Báo Thiên cạnh hồ Lục Thủy (Hồ Gươm hiện nay). Vì vậy, tháp cũng được gọi là tháp Báo Thiên.

Năm 1080, vua Lý Nhân Tông cho xuất hàng vạn cân đồng, đúc một quả chuông lớn định đặt trong khuôn viên chùa Diên Hựu.

Chuông đúc xong, đánh không kêu, nên người ta không treo chuông trong chùa, mà đem ra ruộng để. Ruộng ấy có nhiều rùa, gọi là Quy Điền (ruộng rùa), vì vậy chuông cũng gọi là chuông Quy Điền.



Tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, cùng với vạc Phổ Minh (Nam Định), tượng chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) được ca ngợi là “An Nam tứ đại khí” thời Lý. Đến đầu thế kỉ XV, các công trình này đều bị quân Minh xâm lược phá hủy.

17. Quê hương của Thánh Gióng ở đâu?

Đó là xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, quen gọi là làng Gióng. Nơi đây còn lưu lại nhiều dấu tích về Thánh Gióng trong truyền thuyết xưa.

Đền Gióng hay đền Thượng, tương truyền được Lý Thái Tổ cho xây dựng khi nhà vua dời đô ra Thăng Long, ngay trên nền nhà cũ của Thánh Gióng.

Đền Mẫu hay đền Hạ, thờ mẹ Thánh Gióng, được xây năm 1693. Gần đền Mẫu có một khu vườn, gọi là Cỗ Viên (vườn cũ), theo dân gian là khu vườn cũ của mẹ Thánh Gióng. Chuyện kể, có người không lồ đã dẫm nát vườn rau này trong một đêm mưa, để lại những dấu chân rất lớn. Hôm sau bà mẹ Gióng ướm thử chân vào đấy nên có mang, sinh ra Gióng. Trong vườn hiện nay vẫn còn tảng đá in dấu chân người không lồ.

18. Ngôi đền thờ Hai Bà Trưng nào được xây dựng đầu tiên ở Hà Nội?

Đó là đền Đồng Nhân, còn gọi là đền thờ Hai Bà Trưng, hay đền Trưng Nữ Vương nằm ở phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng hiện nay.

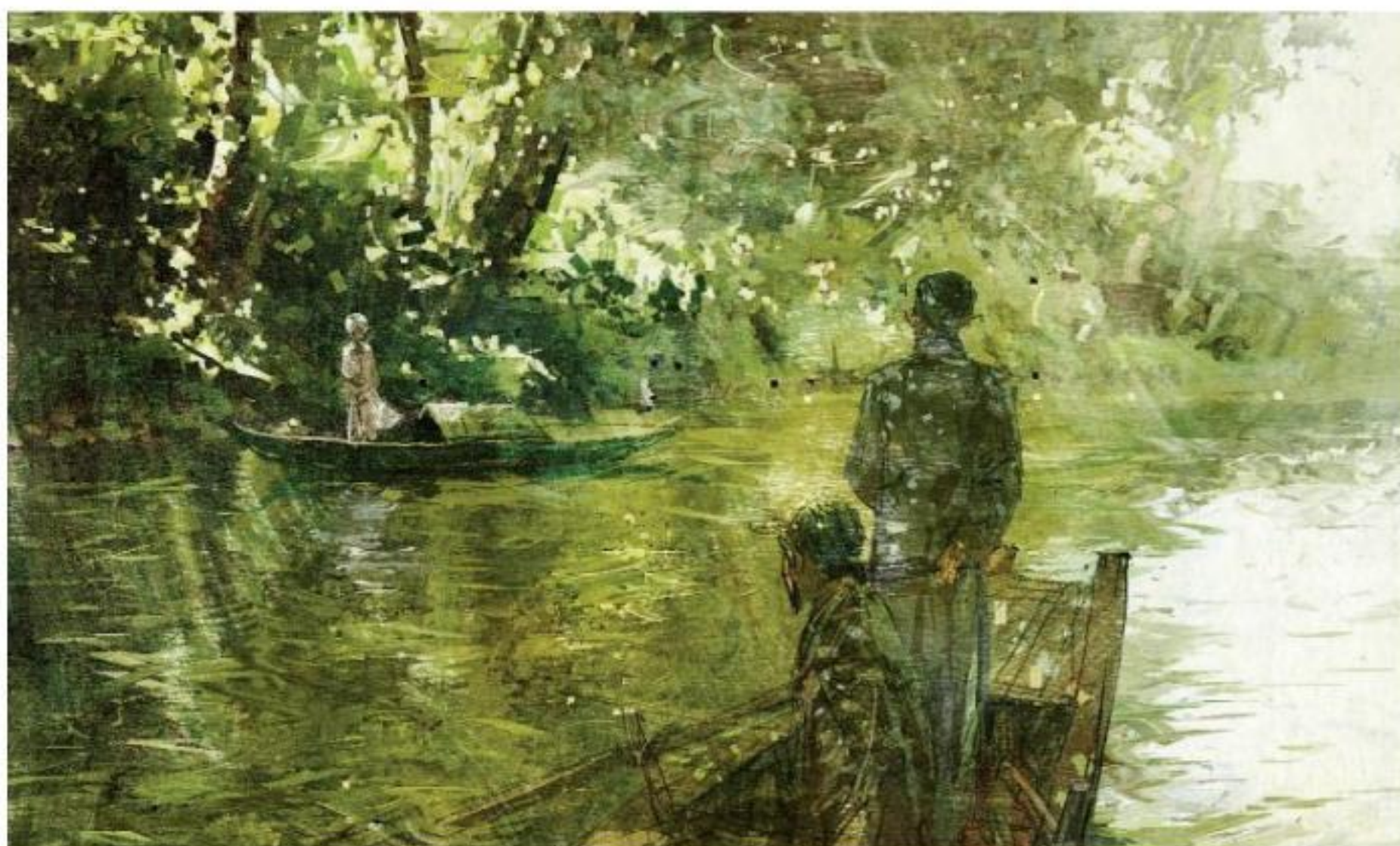
Đền được xây dựng năm 1142, dưới đời vua Lý Anh Tông. Theo truyền thuyết, khi cuộc khởi nghĩa chống quân Hán thất bại, Trưng Trắc và Trưng Nhị nhảy xuống sông Hát Giang tự vẫn, hóa thành hai tảng đá trắng trôi trên sông Hồng về bãi Đồng Nhân, đến đêm thường phát sáng rực rỡ. Dân làng Đồng Nhân liền lấy vải đỏ rước hai tảng đá vào bờ và lập đền thờ ở bãi sông.

Năm 1819, bãi sông bị lở, đền được chuyển vào phía trong làng, tức là ở vị trí đền Đồng Nhân ngày nay.

19. Phủ Tây Hồ thờ vị thần nào?

Phủ Tây Hồ nằm trên bán đảo nhỏ nhô ra bờ phía đông của Hồ Tây, thuộc địa phận làng Tây Hồ. Phủ thờ chúa Liễu Hạnh, một phụ nữ tài hoa, giỏi thơ ca, đàn hát... được dân gian tôn làm Thánh Mẫu (Thánh Mẹ), và là một trong bốn vị thần “Tứ bất tử” của nước ta (Chử Đồng Tử, Thánh Gióng, Tản Viên, Liễu Hạnh).

- **Có phải Phủ Tây Hồ được dựng lên theo một truyền thuyết?**



Phùng Khắc Khoan gặp chúa Liễu Hạnh

Phủ Tây Hồ là nơi ghi dấu cuộc gặp gỡ kì lạ giữa Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan (1528 – 1613) và chúa Liễu Hạnh. Chuyện kể, một lần Phùng Khắc Khoan cùng hai người bạn đang dạo chơi ở Hồ Tây, thì gặp một cô gái rất xinh đẹp liền cùng nói chuyện làm thơ. Khi Trạng Bùng hỏi tên cô gái, cô không trả lời, mà chỉ mỉm cười đọc một bài thơ, rồi biến mất. Bấy giờ Phùng Khắc Khoan mới nhận ra đó là Liễu Hạnh. Nhân chuyện này, người dân làng Tây Hồ đã lập phủ thờ Liễu Hạnh và mở hội vào tháng Ba âm lịch hàng năm.

20. Ngôi chùa nào là trụ sở của hội Phật giáo Việt Nam?

Đó là Chùa Quán Sứ, hiện nay nằm tại 73 phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm.

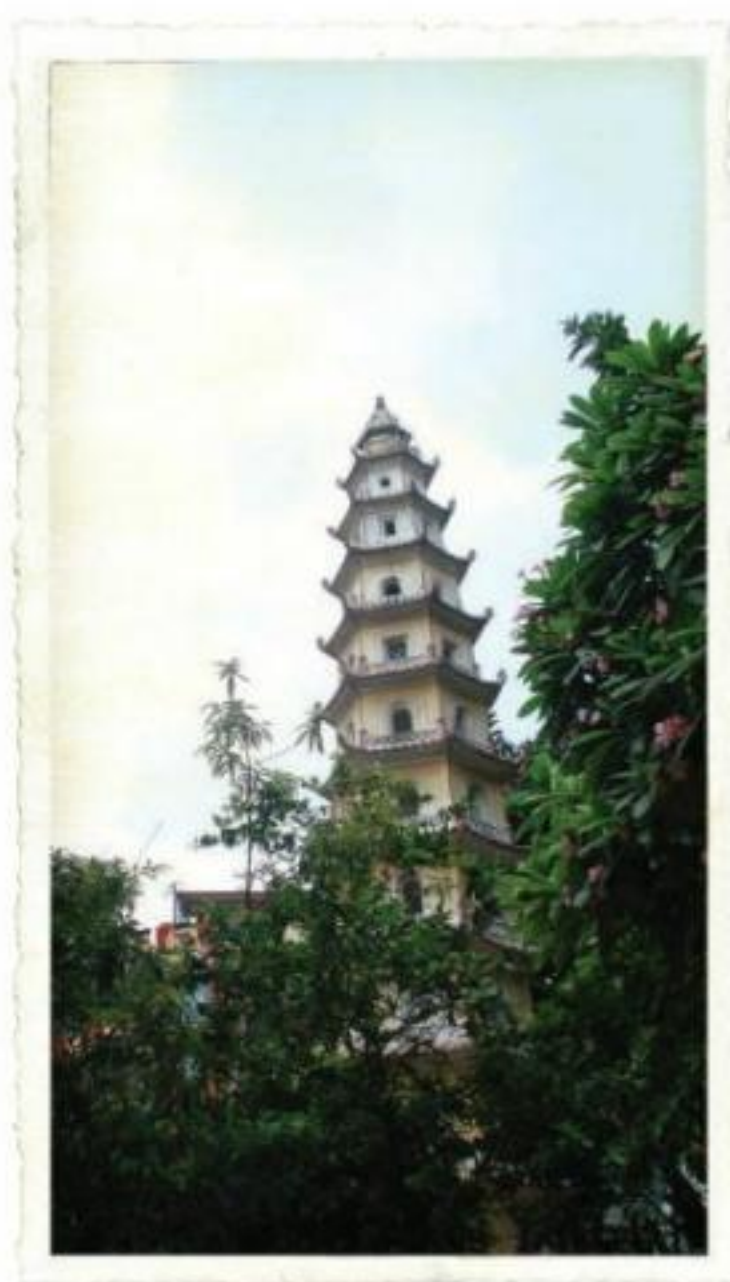
Chùa Quán Sứ vốn là hội quán của hội Phật giáo miền bắc từ năm 1934. Đến năm 1958, ngôi chùa trở thành trụ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- **Vì sao chùa có tên là Quán Sứ?**

Tại khu vực chùa Quán Sứ hiện nay, vào đầu thế kỉ XV, triều Lê cho lập một khu nhà gọi là nhà Quán Sứ để tiếp đón sứ thần Lào, Chiêm Thành... khi họ tới Thăng Long. Sứ thần các nước đều theo đạo Phật, nên triều đình cũng dựng ngôi chùa nhỏ cạnh nhà Quán Sứ cho các sứ thần lễ Phật, vì vậy chùa mang tên Quán Sứ. Sau này, khu nhà bị phá bỏ, nhưng ngôi chùa vẫn được giữ lại. Chùa Quán Sứ hiện nay mang dáng vẻ của lần tu sửa năm 1842.

21. Ai đã có công xây dựng chùa Liên Phái?

Chùa Liên Phái do Lân Giác thượng sĩ, tức phò mã Trịnh Thập (hay Hạp) cho xây dựng năm 1726.



Chùa Liên Phái

Chuyện kể, một hôm Trịnh Thập sai người đào đất ở gò cao sau nhà, thấy tảng đá hình ngó sen rất lớn, cho là điềm báo của Phật. Tin rằng mình có duyên với đạo, nên phò mã đã xuất gia, sửa phủ đệ thành chùa. Đó là chùa Liên Hoa, hay Liên Tông, sau này đổi tên là Liên Phái. Sau khi mất năm 1733, ông được các đệ tử hỏa táng, dựng tháp, ở giữa gò đất nơi đào được ngó sen trước kia gọi là tháp Cứu Sinh. Lân Giác thượng sĩ được tôn làm vị to thứ nhất của dòng Phật giáo Liên Tông (hoa sen).

Trong chùa Liên Phái có một khu vườn tháp, đúng không?

Đúng vậy. Phía sau chùa Liên Phái có một khu vườn tháp, ở trên gò đất cao, gồm 9 ngôi tháp xây thành 3 hàng. Hàng thứ nhất và hàng thứ ba, mỗi hàng đều hai ngôi. Riêng hàng thứ hai có 5 ngôi tháp, trong đó tháp Cứu Sinh được đặt ở nơi cao nhất. Tháp được xây bằng đá xanh hình vuông, bốn tầng, là ngọn tháp cổ nhất trong nội thành Hà Nội hiện nay.

22. Pho tượng đồng lớn nhất miền Bắc hiện nay đặt ở chùa nào?

Đó là Chùa Ngũ Xã, nằm ở số 44 phố Ngũ Xã, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình.

Chùa được xây dựng vào thế kỉ XVIII, thờ thánh tăng Nguyễn Minh Không, theo tục truyền là ông tổ nghề đúc đồng.

Pho tượng đồng Di Đà khổng lồ, ngồi trên tòa sen được đặt ở gian giữa của chùa. Tượng nặng tới 12 tấn, cao 3,95m, có chu vi 11,6m, với đôi tai dài hơn 70cm, ngón tay trở dài 60cm. Pho tượng được làm suốt 3 năm, từ tháng 5/1949 đến giữa năm 1952. Đây là pho tượng Phật bằng đồng lớn nhất hiện có tại các chùa miền bắc Việt Nam.

23. Có phải chỉ Thăng Long - Hà Nội mới có các cửa ô?

Có thể nói, cửa ô là “đặc sản” của Thăng Long – Hà Nội. Nhưng cửa ô xuất hiện từ bao giờ, và Hà Nội từng có bao nhiêu cửa ô, đến nay vẫn chưa biết rõ ràng. Theo sử sách ghi chép, năm 1749, chúa Trịnh Doanh cho đắp tòa thành đất, bao quanh kinh thành Thăng Long gọi là thành Đại Đô, mở ra 8 cửa. Mỗi cửa có một ô cửa chính ở giữa, và hai ô cửa phụ hai bên, xẻ qua tòa thành. Một số cửa ô còn tên gọi đến ngày nay như ô Yên Phụ, ô Cầu Giấy, ô Cầu Dền, ô Chợ Dừa, ô Đống Mác...



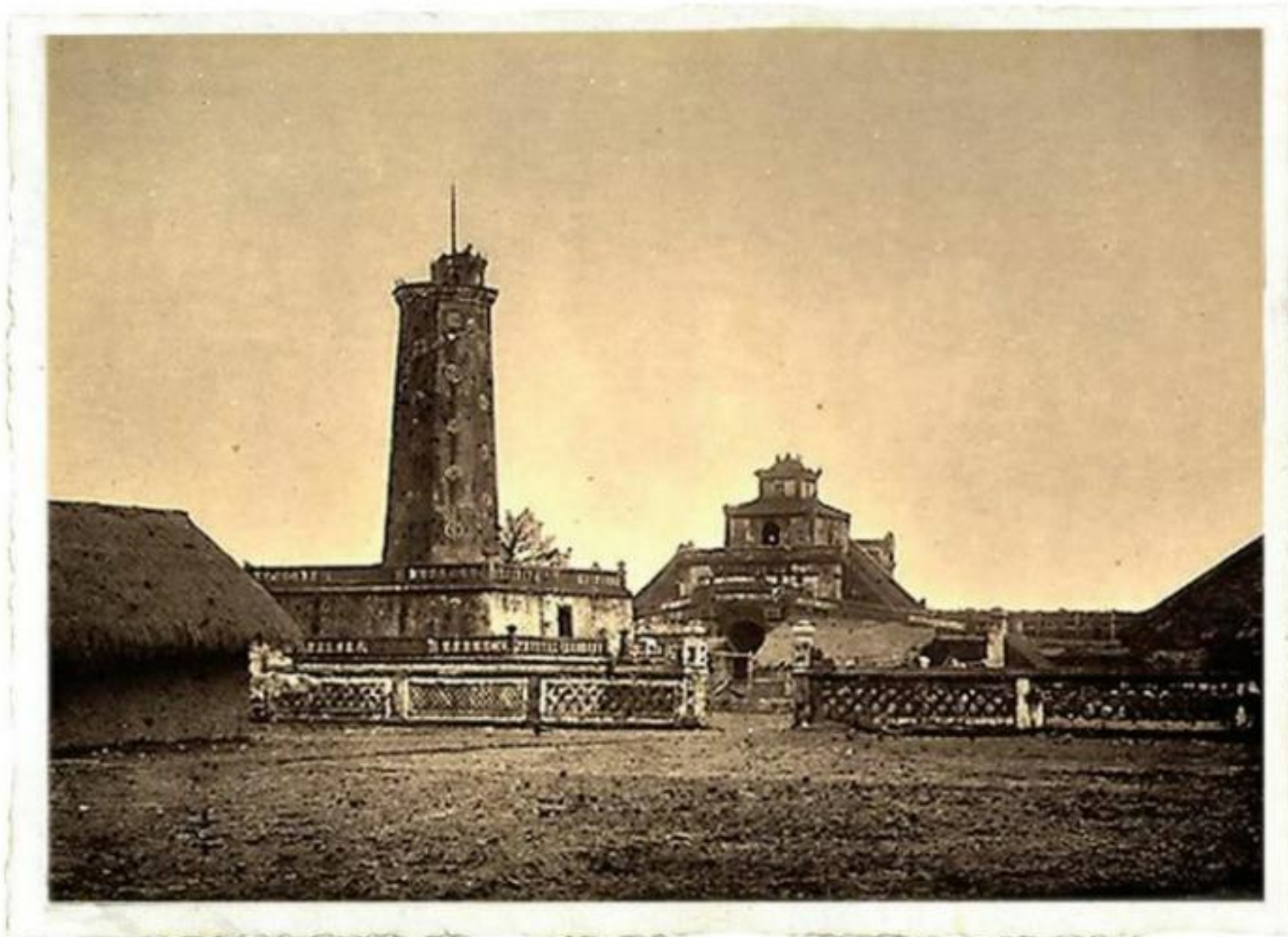
Ô Quan Chưởng

- **Hiện nay Hà Nội còn lại mấy cửa ô?**

Ô Quan Chưởng (đầu phố Hàng Chiếu) là cửa ô duy nhất của thành Thăng Long xưa còn lại đến ngày nay. Đây là cửa ô mở qua tường phía đông của tòa thành đất xây dựng năm 1749, đến năm 1817 cửa ô được sửa chữa lại như kiểu dáng bây giờ.

Ô Quan Chương còn nguyên một cửa chính và hai cửa phụ. Trên tường cửa chính có gắn tấm bia đá khắc năm 1882, ghi lệnh của tổng đốc Hoàng Diệu cấm lính canh gác không được sách nhiễu dân lành khi họ qua lại. Trên nóc cửa ô, hiện vẫn còn ba chữ Hán “Đông Hà Môn” – nghĩa là cửa ô Đông Hà, tên gọi ban đầu của ô Quan Chương.

24. Cột cờ Hà Nội có chiều cao bao nhiêu?



Cột cờ Hà Nội

Cột cờ Hà Nội (còn gọi là Kì đài) được xây dựng từ năm 1805 và hoàn thành năm 1812, dưới thời Nguyễn.

Cột cờ cao 33,4m gồm ba tầng đế và một thân cột. Các tầng đế hình chóp cụt, xếp chồng lên nhau, nhỏ dần. Tầng thứ ba mở ra bốn cửa: cửa phía đông có đề hai chữ “Nghênh hức” (đón ánh nắng ban mai), cửa phía tây đề chữ “Hồi quang” (phản chiếu ánh sáng), cửa phía nam đề chữ “Hương minh” (hướng về ánh sáng), cửa phía bắc không có chữ đề, là cửa vào cầu thang hình xoắn ốc dẫn lên cao.

Thân cột cờ dựng trên nền bậc thứ ba, có 8 cạnh, thon dần từ

dưới lên trên. Dọc theo các cạnh là những lỗ hình hoa thị, hay hình dẻ quạt vừa để trang trí, vừa giúp thông hơi và lấy ánh sáng.

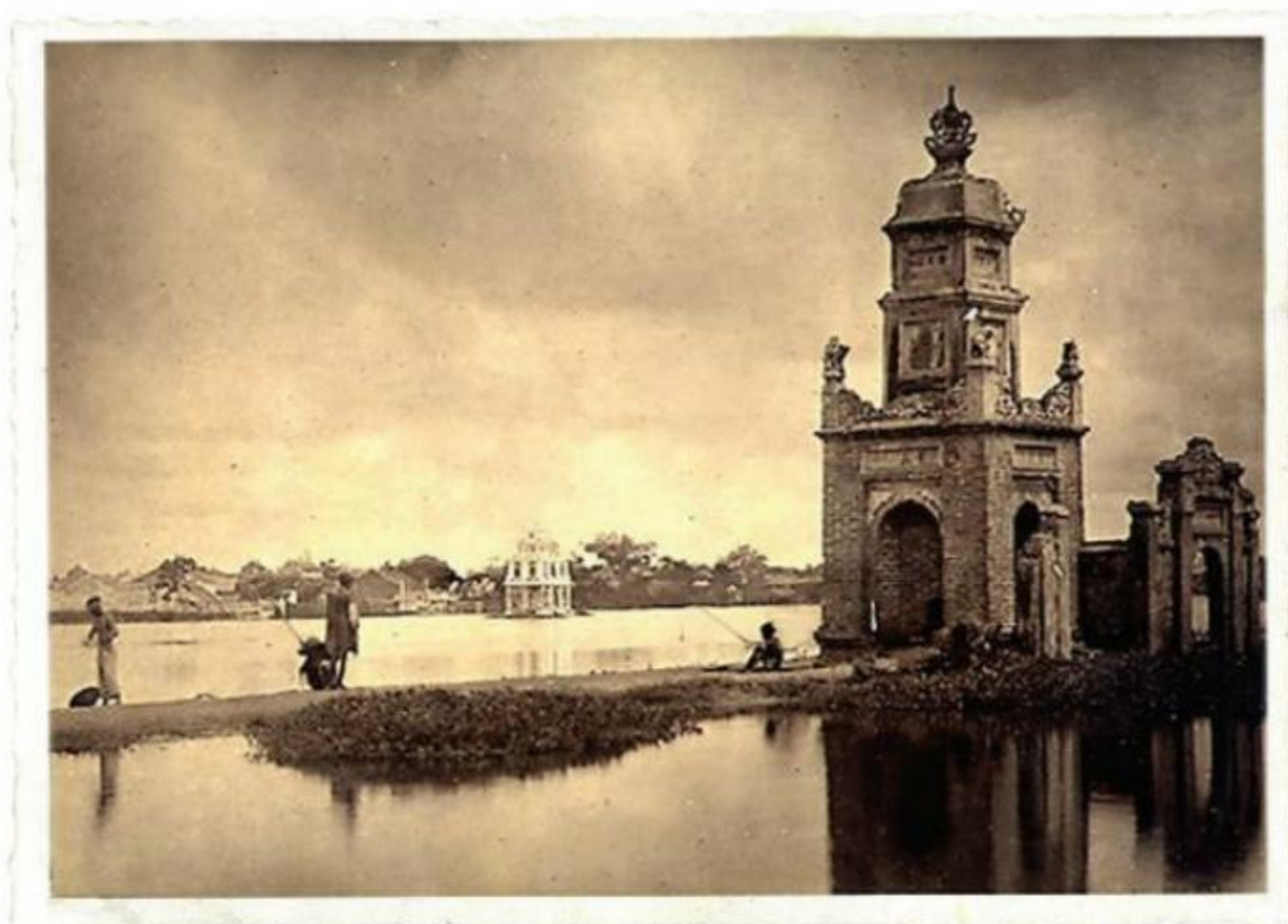
Đỉnh cột cờ được xây thành lầu, hình bát giác, giữa lầu là trụ tròn để cắm cờ.

- **Khi chiếm đóng thành Hà Nội, thực dân Pháp đã dùng Cột cờ làm gì?**

Vì Cột cờ Hà Nội cao, nên sau khi chiếm được thành Hà Nội, thực dân Pháp đã biến Cột cờ thành đài quan sát và trạm thông tin liên lạc. Ban ngày chúng dùng tín hiệu, ban đêm dùng đèn để liên lạc giữa ban chỉ huy và các đồn bốt xung quanh...

25. Ngôi tháp cổ bên bờ Hồ Gươm có tên là gì?

Đó là tháp Hòa Phong, dấu tích duy nhất của ngôi chùa Báo Ân xưa còn lại đến ngày nay. Tháp nằm trên vỉa hè bên Hồ Gươm đối diện với khu vực trung tâm Bưu điện Hà Nội.



Tháp Hòa Phong

Chùa Báo Ân do quan Thượng Nguyễn Đăng Giai (quan đứng đầu tỉnh Hà Nội) cho xây dựng năm 1846, nên chùa còn được gọi là

chùa Quan Thượng. Ngôi chùa lớn, có đến hàng trăm gian nhà. Năm 1898, thực dân Pháp đã phá hủy toàn bộ ngôi chùa lấy đất mở mang đường phố, chỉ ngôi tháp Hòa Phong được giữ lại. Tháp xây bằng gạch mộc, có bốn cạnh, hai mặt tầng trên hình bát quái.



Chùa Báo Ân

26. Đền Ngọc Sơn được xây dựng ở địa điểm nào của Hồ Gươm?

Đền Ngọc Sơn được dựng trên một gò đất gọi là hòn Ngọc, hay đảo Ngọc, nằm ở phía bắc Hồ Gươm. Đầu thế kỉ XIX đền thờ Quan Đế được xây dựng ở đây, sau thờ thêm anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo và thần Văn Xương là ngôi sao chủ việc văn chương, khoa cử.

*Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
Xem cầu Thê Húc, xem đền Ngọc Sơn
Đài Nghiên, tháp Bút chưa mòn
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?*



Lối vào đền Ngọc Sơn

• **Tháp Bút, đài Nghiên, cầu Thê Húc và đình Trấn Ba do ai xây dựng?**

Năm 1865, nhà văn hóa lớn Nguyễn Văn Siêu đã đứng ra tu sửa đền Ngọc Sơn và xây dựng tháp Bút, đài Nghiên cùng cầu Thê Húc, đình Trấn Ba.

Nguyễn Văn Siêu cho dựng một ngọn tháp đá trên núi Độc Tôn - là ngọn núi đất đối diện với đền Ngọc Sơn, được đắp từ thế kỉ XVIII. Tháp cao 5 tầng, có đỉnh hình ngọn bút lông, nên gọi là tháp Bút. Trên thân tháp tạc ba chữ “Tả thanh thiên” nghĩa là “viết lên nền trời xanh”, thể hiện chí khí thanh cao của kẻ sĩ.



Tháp Bút

Đài Nghiên ngay cạnh tháp Bút, là một nghiên mực tạc bằng đá, hình nửa quả đào, đặt bên trên vòm cửa cuốn.

Cây cầu cong cong sơn son bắc từ bờ hồ ra đền Ngọc Sơn, tên là cầu Thê Húc, có nghĩa nơi ánh ban mai đậu lại. Đi qua cầu là đến

lầu Đắc Nguyệt (lầu thu được ánh trăng). Còn đình Trấn Ba ở trước đền Ngọc Sơn mang ý nghĩa là đình chấn sóng, nhìn thẳng ra Tháp Rùa.

27. Nhà thờ Lớn Hà Nội được xây dựng khi nào?

Nhà thờ Lớn Hà Nội có tên gọi ban đầu là nhà thờ thánh Giô - dép (Joseph), nằm trên phố Nhà Thờ ở khu vực trung tâm thành phố. Năm 1884, thực dân Pháp đã phá chùa Báo Thiên có từ thời Lý để xây dựng Nhà thờ Lớn. Đúng dịp lễ Giáng Sinh năm 1886, nhà thờ khánh thành. Đây là nhà thờ Thiên chúa giáo lớn nhất của Hà Nội hiện nay.

28. Nhà hát nào lớn nhất Hà Nội?

Đó là Nhà hát Lớn Hà Nội.

Nhà hát gồm một phòng lớn có tới 780 chỗ ngồi, sảnh, hành lang... với tổng diện tích 2600m², đỉnh cao nhất của toà nhà là 34m.

Sau 10 năm xây dựng, Nhà hát Lớn được hoàn thành vào năm 1911, theo thiết kế của các kiến trúc sư người Pháp. Thời Pháp thuộc, các buổi trình diễn sân khấu ở đây giá vé rất cao nên chỉ người Pháp và những người Việt giàu có mới đến xem. Sau hoà bình lập lại, năm 1954, Nhà hát Lớn trở thành trung tâm văn hóa quan trọng bậc nhất của thủ đô Hà Nội.

• Quảng trường trước Nhà hát Lớn có tên gọi là gì?

Quảng trường rộng trước Nhà hát Lớn gọi là quảng trường Cách mạng Tháng Tám, vì đây là nơi xuất phát của các cuộc tuần hành lớn trong những ngày tổng khởi nghĩa mùa thu năm 1945 ở Hà Nội. Ngày 17/8/1945, nơi đây đã diễn ra cuộc mít tinh và biểu tình của đông đảo người dân thủ đô ủng hộ Việt Minh. Đến ngày 19/8/1945, hơn hai chục vạn quần chúng nhân dân đã tập trung về dự lễ mít tinh, rồi bắt đầu tỏa đi các nơi giành chính quyền. Từ đó, quảng trường cũng có tên là quảng trường 19 tháng 8.



Nhà hát Lớn

29. Nhà tù Hỏa Lò được xây dựng khi nào?

Nhà tù Hỏa Lò, hiện nay nằm ở số 1 phố Hỏa Lò, quận Hoàn Kiếm, được xây dựng năm 1897.

Năm 1899 tuy chưa hoàn thành nhưng nhà tù đã được đưa vào sử dụng. Đây là nơi thực dân Pháp giam giữ, tra tấn, và tàn sát nhiều người Việt Nam yêu nước. Những người tù chính trị bị cho là nguy hiểm sẽ bị giam vào xà lim, và tù nhân “đặc biệt nguy hiểm” sẽ bị nhốt trong ngục tối. Tại đây, thực dân Pháp đặt cả máy chém để thi hành án đối với ai chịu tội tử hình. Nhà tù là chứng tích cho những tội ác của thực dân Pháp, đồng thời cũng thể hiện ý chí và tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam.

Ngày nay, một phần nhà tù đã được phá đi xây dựng thành tòa nhà cao tầng làm khách sạn và khu văn phòng, còn một phần (trông ra phố Hỏa Lò) được giữ lại, tôn tạo trở thành di tích lịch sử Hỏa Lò.

• Tại sao nhà tù mang tên gọi Hỏa Lò?

Trước kia, khu vực phố Hỏa Lò ngày nay thuộc làng Phụ Khánh, tổng Vĩnh Xương. Nhân dân có nghề làm ấm đất, siêu đất... nên ngày cũng như đêm, trong làng luôn luôn rực lửa các lò nung, bởi

vậy làng có tên là Hỏa Lò. Khi thực dân Pháp chiếm đất của làng xây dựng nhà tù, nhà tù cũng được quen gọi là Hỏa Lò.

- **Nhà tù Hỏa Lò kiên cố như thế nào?**

Khi sang Việt Nam năm 1896, toàn quyền Pôn Đu-me (Paul Dourmer) có ý định thiết lập tại Hà Nội một nhà tù kiên cố vào bậc nhất Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia) và ngay trong năm sau đã cho xây dựng nhà tù Hỏa Lò.



Ngày nay trên cổng nhà tù vẫn còn dòng chữ Nhà tù Trung tâm (Maison centrale) – tên gọi chính thức của nhà tù Hỏa Lò

Bao quanh nhà tù là những bức tường vững chắc xây bằng đá hộc, cao 4m, dày 0,5m, trên cắm mảnh chai, chằng dây kẽm và dây điện. Bốn góc là 4 tháp canh cao, đứng trên đó có thể nhìn thấy toàn bộ phía trong, phía ngoài và xung quanh nhà tù. Nhà tù gồm 1 nhà canh gác, 1 nhà thương, 2 nhà giam cầm bị can, 1 nhà phân xưởng, 5 nhà giam tù nhân, có tổng diện tích gần 13.000m².

- **Có nhiều sách báo yêu nước đã được xuất bản trong tù, đúng không?**

Khi bị giam giữ trong tù, các chiến sĩ đã biến nhà tù Hỏa Lò thành một trường học cách mạng. Họ tự dạy cho nhau những kiến

thức về cách mạng, về văn hóa... Tại đây, nhiều sách vở, báo chí yêu nước đã ra đời, trong đó có các tờ báo *Lao tù đỏ*, *Lao tù tạp chí*, các tác phẩm như *Những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương* của Ngô Gia Tự, *Công nhân vận động* của Nguyễn Đức Cảnh...

30. Chợ Đồng Xuân có từ bao giờ?

Chợ Đồng Xuân ra đời năm 1889, khi ấy là chợ to nhất của Hà Nội.

Ban đầu chợ họp ngoài trời, sau này mới được xây thành khu chợ với năm cầu chợ khung sắt, rồi xây thêm tường và các cửa. Có ba cổng vào chợ và hai ngách, một thông sang Hàng Khoai, một ngõ nhỏ hơn thông sang Hàng Chiếu. Trải qua hơn một thế kỉ, giờ đây chợ chỉ còn ba cửa ở giữa, và là một trong những biểu tượng đặc trưng của Hà Nội.



Chợ Đồng Xuân

Nằm cạnh ga tàu hỏa tại đầu cầu Long Biên, lại ở ngay sát sông Hồng, chợ Đồng Xuân là một địa điểm thuận lợi để hàng hóa bốn phương dồn về đây và từ đây tỏa đi khắp nơi. Bởi vậy, đã có người ví chợ Đồng Xuân như “cái bụng” của Hà Nội.

31. Vì sao Ga Hà Nội còn được gọi là ga Hàng Cỏ?

Khi mới được xây dựng vào năm 1902, Ga Hà Nội có tên gọi là nhà ga Trung Tâm, nhưng mọi người vẫn thường gọi là ga Hàng Cỏ. Trước kia đây là khu vực nằm cạnh một con đường lớn, xung quanh có nhiều ruộng trũng và hồ ao. Người dân ven thành thường cắt cỏ đem đến đây bán cho lính trong thành và các đồn quân cho ngựa ăn. Vì vậy, phố có tên là Hàng Cỏ, và nhà ga mới xây dựng cũng gọi là ga Hàng Cỏ.



Ga Hàng Cỏ

32. Căn nhà 5D Hàm Long trở thành nhà lưu niệm từ khi nào?

Căn nhà 5D phố Hàm Long, nay thuộc quận Hoàn Kiếm, là nơi diễn ra nhiều sự kiện cách mạng quan trọng từ cuối những năm 20 của thế kỉ XX. Đây là nơi thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

Từ ngày 25/11/1959, căn nhà được khôi phục thành nhà lưu niệm, trưng bày các tài liệu, kỉ vật đúng nguyên trạng của những năm 1928 – 1929. Căn nhà này là một gian của Bảo tàng Hà Nội, với những bức phác họa chân dung và những đồ dùng của các đảng viên cộng sản đầu tiên (như chiếc cặp đựng tài liệu, chiếc ấm, giỏ đựng cơm...)

33. Bác Hồ viết bản Tuyên ngôn Độc lập ở đâu?



Căn nhà 48 Hàng Ngang

Sau khi từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội, Bác Hồ đến sống và làm việc tại một phòng nhỏ, trên gác hai, ở căn nhà 48 Hàng Ngang (nay thuộc phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm). Tại đây, Bác đã viết Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Căn nhà này của gia đình ông Trịnh Văn Bô, là một trong những cơ sở cách mạng ở nội thành từ rất sớm. Nhà có ba tầng, tầng dưới là cửa hiệu Phúc Lợi bán tơ lụa, vải vóc, các tầng trên có nhiều phòng làm nơi tiếp khách, phòng ăn, phòng ngủ...

- **Căn phòng Bác Hồ đã sống và làm việc được xếp đặt như thế nào?**

Căn phòng Bác Hồ ở có diện tích khoảng 20m², được bài trí rất đơn sơ. Trong góc phòng kê chiếc bàn tròn và chiếc ghế bành bọc vải trắng. Góc khác, kê một chiếc đi-văng và chiếc tủ màu cánh gián, cùng chiếc giường vải xếp để Bác nghỉ ngơi.

Phòng bên cạnh là nơi Bác làm việc. Góc phải phía ngoài phòng họp có một chiếc bàn nhỏ và chiếc ghế tựa. Trên bàn đặt chiếc máy chữ Bác đưa từ chiến khu Việt Bắc về. Đây là chiếc máy chữ Bác đã dùng soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.



Căn phòng Bác Hồ viết Tuyên ngôn Độc lập

34. Nơi nào ở Hà Nội lưu giữ được nhiều nhất dấu ấn của Bác Hồ?

Đó là khu di tích Hồ Chí Minh hay Khu di tích Phủ Chủ tịch, quận Ba Đình. Khu di tích này gồm: Phủ Chủ tịch, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và quảng trường Ba Đình.



Phủ Chủ tịch

Phía tây quảng trường Ba Đình là khu lưu niệm Hồ Chí Minh. Nơi đây có Bảo tàng Hồ Chí Minh, Nhà sàn Bác Hồ, nhà 67 (nơi Bác dưỡng bệnh và qua đời), cùng vườn cây, ao cá, giàn hoa, đường xoài...

- **Quảng trường nào rộng nhất Hà Nội?**

Đó là Quảng trường Ba Đình. Với chiều dài 320m, chiều rộng hơn 100m, toàn bộ diện tích quảng trường là 35.000m², gồm 168 ô cỏ, đủ chỗ đứng cho 20 vạn người. Đây vốn là khu vực cửa Tây của thành Thăng Long trước kia, đến thời Pháp thuộc là một vườn hoa nhỏ, từ năm 1945 mới có tên là vườn hoa Ba Đình.

Tại đây, đúng 2 giờ chiều ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Tuyên ngôn Độc lập trước hàng vạn người dân thủ đô. Từ đó đến nay, Quảng trường Ba Đình là nơi tổ chức nhiều ngày lễ kỉ niệm quan trọng của đất nước.

- **Bác Hồ đã sống ở nhà sàn vào khoảng thời gian nào?**

Ngôi nhà sàn hiện nay nằm trong khu vườn sau Phủ Chủ tịch là

nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày 18/5/1958 đến ngày 17/8/1969. Lối đi vào nhà là con đường xoài giữa một vườn cây xanh mát, phía trước là ao cá, phía sau có vườn quả trồng nhiều loại cây cỏ trăm miền.



Nhà sàn Bác Hồ

Ngôi nhà lợp mái ngói bình dị có hai tầng: tầng trên là nơi ở và phòng làm việc, tầng dưới là phòng tiếp khách và phòng họp. Sách vở, mấy chiếc máy điện thoại, chiếc máy chữ nhỏ, chiếc ghế mây dài Bác thường nghỉ trưa, chiếc mũ cứng Bác thường đội khi đi thăm địa phương... tất cả những đồ đạc đơn sơ giản dị ấy đã gắn bó với Bác Hồ trong suốt cuộc đời hoạt động của Người.

- **Vườn cây Bác Hồ có bao nhiêu cây?**

Vườn cây Bác Hồ là nơi hội tụ của hàng nghìn cây từ khắp mọi miền đất nước và nhiều nơi trên thế giới. Vườn có tới 1245 cây thuộc 161 loài, trong đó nhiều cây đã thọ trên 100 năm tuổi.

Hàng ngày, sau giờ làm việc, Bác thường đi tưới nước cho các cây trong vườn. Bác tự tay trồng và chăm sóc cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi biếu năm 1955. Mùa đông, Bác lấy rơm quấn quanh

thân cây cho cây đỡ lạnh. Sau này, cây vú sữa đã được đưa đến trồng ở cạnh nhà sàn, khi Bác về đây ở.

35. Lăng Bác Hồ được hoàn thành khi nào?

Lăng Bác Hồ được khởi công xây dựng ngày 2/9/1973, đến ngày 29/8/1975 thì hoàn thành. Đây là nơi gìn giữ thi hài của Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Lăng dựng trên nền tòa lễ đài cũ ở Quảng trường Ba Đình, giữa một không gian thiên nhiên xanh mát nhiều cây lá. Mái Lăng lát đá hồng ngọc màu mận chín, có dòng chữ nổi bật: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Toàn bộ mặt ngoài của Lăng được lát đá hoa cương. Khu vực ở giữa là phòng di hài và hệ thống hành lang, phân bậc thềm dưới cùng là lễ đài.

36. Cung văn hoá nào ở Hà Nội có tên gọi nói lên tình hữu nghị giữa hai đất nước?

Đó là Cung văn hóa lao động hữu nghị Việt – Xô (Việt Nam – Liên Xô cũ) ở 91 Trần Hưng Đạo. Được khánh thành năm 1985, Cung văn hóa là món quà của Hội đồng Trung ương Công đoàn Liên Xô tặng Việt Nam.

Cung văn hóa hữu nghị Việt – Xô là một công trình kiến trúc đồ sộ, gồm 3 khối nhà chính, 120 phòng lớn nhỏ. Hội trường lớn của Cung văn hóa có sức chứa 1256 người, hội trường nhỏ chứa 375 người. Đây là nơi diễn ra nhiều buổi biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi hoa hậu... của nước ta.

37. Nơi nào ở Hà Nội trưng bày hiện vật của 54 dân tộc Việt Nam?

Đó là Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam nằm trên đường Nguyễn Văn Huyền, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy.

Bảo tàng được xây dựng năm 1997, rộng hơn 3ha, gồm hai khu vực trưng bày: trong nhà và ngoài trời. Khu trong nhà là nơi tập trung các hình ảnh, hiện vật giới thiệu sắc thái văn hóa, lối sống, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất... của 54 dân tộc trên khắp mọi miền đất nước. Khu trưng bày ngoài trời tái hiện hình ảnh những công trình kiến trúc tiêu biểu của các dân tộc Việt Nam như nhà sàn, nhà dài, nhà rông...



Bảo tàng Dân tộc học

38. Có thể xem các loài động vật hoang dã ở công viên nào tại Hà Nội?

Đó là Công viên Thủ Lệ (còn gọi là Vườn thú Thủ Lệ) nằm trên phần đất của làng Thủ Lệ - một làng cổ có từ thời Lý (thế kỉ XI), nay thuộc quận Ba Đình.

Công viên được hoàn thành năm 1977, có rất nhiều cảnh đẹp: núi Bò, hồ Linh Lang trong xanh rộng 6ha cùng những gò đất nhấp nhô, những cây cổ thụ hàng trăm tuổi...

Trong vườn được chia thành nhiều khu nuôi thú khác nhau. Các chuồng thú được xây dựng giống như hang động, bãi cỏ, suối nước... thích hợp với những loài thú rừng hoang dã: hổ, báo, ngựa vằn, sói bờm... Các loài bò sát: rắn, trăn, cá sấu, kì đà... được nuôi ở một khu riêng. Trên đảo là thế giới của chim muông: công, trĩ, sếu, hoàng oanh, chích chòe... Vườn thú cũng có khu nhà chứa các bể cá vàng, cá cảnh với hàng trăm loại đủ sắc màu.

Vườn thú Thủ Lệ giống như một bảo tàng sinh vật cảnh phong phú của thủ đô Hà Nội.

39. Khu vui chơi giải trí nào ở Hà Nội lớn nhất miền Bắc?

Đó là công viên Hồ Tây được thành lập ngày 2/3/1999 nằm bên bờ Hồ Tây với tổng diện tích 8,1ha.

Công viên Hồ Tây bao gồm Công viên nước và Công viên Vàng trắng, với rất nhiều trò chơi hấp dẫn, thú vị, chẳng hạn: sông lười, bể tạo sóng, bể hành động, lâu đài nước, tàu điện trên không, đu quay khổng lồ, phòng chiếu phim thực tế ảo, đu quay âm chén, máy bay trẻ em, khu vực trò chơi lâu đài gỗ...



Công viên nước Hồ Tây

Mục lục

Lời mở đầu	3
Kể chuyện Thăng Long - Hà Nội	4
Cảnh sắc Hà Nội	6
1. Vì sao có người nói, Thăng Long - Hà Nội là thành phố sông hồ?	6
2. Sông Tô Lịch có vai trò gì đối với kinh thành Thăng Long?	7
3. Hồ Hoàn Kiếm thay đổi ra sao qua các thời kì?	8
4. Hồ nào lớn nhất ở Hà Nội?	10
5. Hồ Trúc Bạch và Hồ Tây từng là một hồ, đúng không?	12
6. Núi nào ở chính giữa kinh thành Thăng Long?	12
7. Ngọn núi nào cao nhất Hà Nội?	13
8. Vườn Bách Thảo có những tên gọi nào khác?	14
9. Gò Đống Đa được hình thành như thế nào?	15
10. Tòa thành nào được xây dựng sớm nhất ở nước ta?	17
11. Thành cổ Hà Nội ngày nay là dấu tích của thành nào?	19
12. Có phải Văn Miếu - Quốc Tử Giám là ngôi trường lâu đời nhất của nước ta?	19
13. Ngôi chùa nào được xây dựng sớm nhất ở Hà Nội?	22
14. “Thăng Long tứ trấn” là gì?	23
15. Đền Đồng Cổ được xây dựng năm nào?	25
16. Tên gọi ban đầu của chùa Một Cột là gì?	26
17. Quê hương của Thánh Gióng ở đâu?	28
18. Ngôi đền thờ Hai Bà Trưng nào được xây dựng đầu tiên ở Hà Nội?	29
19. Phủ Tây Hồ thờ vị thần nào?	29
20. Ngôi chùa nào là trụ sở của hội Phật giáo Việt Nam?	30
21. Ai đã có công xây dựng chùa Liên Phái?	31
22. Pho tượng đồng lớn nhất miền Bắc hiện nay đặt ở chùa nào?	32
23. Có phải chỉ Thăng Long - Hà Nội mới có các cửa ô?	33
24. Cột cờ Hà Nội có chiều cao bao nhiêu?	34
25. Ngôi tháp cổ bên bờ Hồ Gươm có tên là gì?	35
26. Đền Ngọc Sơn được xây dựng ở địa điểm nào của Hồ Gươm?	36
27. Nhà thờ Lớn Hà Nội được xây dựng khi nào?	38

28. Nhà hát nào lớn nhất Hà Nội?	38
29. Nhà tù Hỏa Lò được xây dựng khi nào?	39
30. Chợ Đồng Xuân có từ bao giờ?	41
31. Vì sao Ga Hà Nội còn được gọi là ga Hàng Cỏ?	42
32. Căn nhà 5D Hàm Long trở thành nhà lưu niệm từ khi nào?	43
33. Bác Hồ viết bản Tuyên ngôn Độc lập ở đâu?	43
34. Nơi nào ở Hà Nội lưu giữ được nhiều nhất dấu ấn của Bác Hồ?	44
35. Lăng Bác Hồ được hoàn thành khi nào?	47
36. Cung văn hoá nào ở Hà Nội có tên gọi nói lên tình hữu nghị giữa hai đất nước?	47
37. Nơi nào ở Hà Nội trưng bày hiện vật của 54 dân tộc Việt Nam?	48
38. Có thể xem các loài động vật hoang dã ở công viên nào tại Hà Nội?	49
39. Khu vui chơi giải trí nào ở Hà Nội lớn nhất miền Bắc?	50